

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH

### CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000254*

*cấp ngày 31/01/2007 thay đổi lần 4 ngày 05/05/2008)*

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

*(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số ...../ĐKNY do Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày ..... tháng .....năm .....)*

*Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:*

#### **1. Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên,  
tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại: 0211.3887 863

Fax: 0211.3887 912

#### **2. Công ty CP Chứng khoán SeABank (SeABS)**

Địa chỉ: 16, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04.6275 3844

Fax: 04.6275 3816

#### **3. Công ty CP Chứng khoán SeABank (SeABS) - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 81- 83 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3925 5579

Fax: 08.3925 5665

*Phụ trách công bố thông tin:*

Họ tên: Nguyễn Thị Nhi

Chức vụ: Kế toán trưởng

Số điện thoại: 0211.3887 863

Fax: 0211.3887 912

# CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT ĐỨC

## VG PIPE

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000254 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh  
Vĩnh Phúc cấp ngày 31/01/2007, thay đổi lần 4 ngày 05/05/2008)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

**Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VG PIPE

**Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

**Mệnh giá :** 10.000 đồng/cổ phiếu

**Tổng số lượng niêm yết:** 7.000.000 cổ phiếu

**Tổng giá trị niêm yết:** 70.000.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

#### ❖ Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

*Trụ sở chính:*

Địa chỉ: Số 8 - Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.3852 4123

Fax: 04.3852 4143

Website: [www.deloitte.com](http://www.deloitte.com)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### ❖ Công ty CP Chứng khoán SeABank (SeABS)

Địa chỉ: Số 16, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04.6275 3844

Fax: 04.6275 3816

Website: [www.seabs.com.vn](http://www.seabs.com.vn)

Email: [seabs@seabs.com.vn](mailto:seabs@seabs.com.vn)

## MỤC LỤC

<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>5</b>
1. Rủi ro về kinh tế .....	5
1.1 Tăng trưởng kinh tế .....	5
1.2 Yếu tố lạm phát .....	5
1.3 Yếu tố lãi suất .....	6
2. Rủi ro về luật pháp .....	6
3. Rủi ro đặc thù .....	7
3.1 Rủi ro cạnh tranh: .....	7
3.2 Rủi ro về giá nguyên liệu: .....	7
3.3 Rủi ro về tỷ giá: .....	8
4. Rủi ro hoạt động .....	8
4.1 Rủi ro vận hành nhà máy: .....	8
4.2 Rủi ro quản lý: .....	8
5. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu niêm yết .....	9
6. Rủi ro khác .....	9
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>9</b>
1. Tổ chức niêm yết – Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE .....	9
2. Tổ chức tư vấn – Công ty CP Chứng khoán SeABank (SeABS).....	10
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>10</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....</b>	<b>10</b>
1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết.....	10
1.1 Thông tin chung: .....	10
1.2 Vốn hoạt động: .....	12
1.3 Hồ sơ pháp lý: .....	13
1.4 Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho đăng ký lần đầu ngày 31/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05/05/2008 : .....	13
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	14
3. Cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý Công ty.....	17
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông .....	27
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết (tại thời điểm 25/08/2008).....	29
5.1 Công ty con của Công ty: Công ty cổ phần thép Việt Đức (VDS) .....	29
5.2 Công ty liên kết: Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Việt Đức (VGI).....	30
6. Hoạt động sản xuất, kinh doanh .....	30
6.1 Sản lượng sản phẩm giá trị dịch vụ năm 2007 .....	30

6.2 Nguyên vật liệu.....	35
6.3 Chi phí sản xuất.....	36
6.4 Trình độ công nghệ.....	38
6.5 Công tác quản lý chất lượng sản phẩm.....	44
6.6 Hoạt động Marketing.....	45
6.7 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế.....	52
6.8 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	52
7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm gần nhất.....	56
7.1 Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	56
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	57
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	58
8.1 Tổng quan thị trường thép và sự phù hợp với định hướng phát triển Công ty.....	58
8.2 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	59
8.3 Phân tích Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội, Thách thức của Công ty.....	60
9. Lực lượng lao động.....	62
9.1 Tình hình lao động tính tới thời điểm 30/06/2008.....	62
9.2 Trình độ lao động tại Công ty.....	62
9.3 Chính sách đối với người lao động.....	62
10. Chính sách cổ tức.....	64
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	64
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	64
11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	71
12. Hội đồng quản trị, Cổ đông sáng lập, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.....	72
12.1 Danh sách Hội đồng quản trị.....	72
12.3 Danh sách Ban giám đốc.....	76
12.4 Danh sách Ban kiểm soát.....	77
12.5 Trưởng phòng Kế toán –Tài chính.....	79
13. Tài sản của Công ty.....	80
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	82
14.1 Mục tiêu phát triển.....	82
14.2 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2008-2010.....	83
14.3 Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	85
15. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	86
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức xin niêm yết.....	86
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng tới giá chứng khoán niêm yết.....	86
<b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....</b>	<b>86</b>
1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	86
2. Mệnh giá: 10.000 đồng.....	86
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 7.000.000 cổ phiếu.....	86
4. Phương pháp tính giá theo phương pháp giá trị sổ sách:.....	89
5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:.....	89
6. Các loại thuế có liên quan:.....	90



---

<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC CÓ LIÊN QUAN.....</b>	<b>90</b>
1. Tổ chức tư vấn.....	90
2. Tổ chức kiểm toán.....	90
<b>VII. PHỤ LỤC .....</b>	<b>91</b>

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

#### 1. Rủi ro về kinh tế

##### 1.1 Tăng trưởng kinh tế

Cũng như mọi ngành sản xuất khác trong nước, tốc độ phát triển của ngành thép phụ thuộc vào sự phát triển chung của nền kinh tế. Tại thời điểm hiện nay, Việt Nam đang trong thời kỳ phát triển và GDP đạt tốc độ tăng trưởng cao, các dự án đầu tư vào cơ sở hạ tầng đang phát triển mạnh. Trong những năm tới, nhu cầu về thép nói chung và ống thép nói riêng sẽ tăng cao để đáp ứng nhu cầu đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, nếu một số yếu tố tác động làm giảm tốc độ phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế, có thể dẫn đến giảm cầu về đầu tư vào cơ sở hạ tầng và các công trình xây dựng và có thể dẫn tới làm giảm sút nhu cầu tiêu thụ.

Trên thực tế, theo số liệu của Tổng cục thống kê, nền kinh tế Việt Nam những năm gần đây luôn đạt tốc độ tăng trưởng cao (năm 2006 là 8,2% và năm 2007 là 8,48%). Trong đó, ngành công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng trên 40%. Theo Kế hoạch phát triển kinh tế tới năm 2010 đã được Chính phủ đề ra trong Kỳ họp thứ 9 của Quốc hội khoá XI, Việt Nam sẽ đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân từ 7,5%-8%/năm, phần đầu đạt trên 8%/năm. Riêng ngành công nghiệp và xây dựng, tốc độ tăng trưởng được dự báo là từ 9,5%-10,2%/năm. Như vậy, các ngành công nghiệp trong đó có ngành thép đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển. Tuy nhiên, đứng trước những cơ hội mới, công ty vẫn cần thận trọng trước những biến động khó đoán trước của nền kinh tế

##### 1.2 Yếu tố lạm phát

Hiện nay Việt Nam đang phải đối mặt với nguy cơ lạm phát gia tăng. Cụ thể, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của năm 2007 lên tới 12,63%, vượt xa tốc độ tăng trưởng GDP và là mức tăng cao kỷ lục trong suốt 10 năm qua<sup>1</sup>. Trước những diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới và trong nước, kinh tế Việt Nam trong năm 2008 được dự báo với mức lạm phát cao. Tính đến hết Quý I/2008, tỷ lệ lạm phát lên tới 9,19%<sup>2</sup> và tính tới hết quý II/2008, tỷ lệ này là 26,8%<sup>3</sup>.

Sự gia tăng lạm phát gây tác động lớn đến hoạt động của mọi doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành vật liệu xây dựng. Lạm phát tăng sẽ kéo theo giá nguyên liệu đầu vào tăng, dẫn đến giá thành sản phẩm của Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE cao, gây khó khăn cho Công ty trong việc bán hàng. Điều này buộc doanh nghiệp phải mạnh dạn trong việc tìm kiếm thị trường mới.

<sup>1</sup> <http://www.ktdt.com.vn/newsdetail.asp?NewsId=34145&CatId=45>

<sup>2</sup> <http://www.sggp.org.vn/chinhtri/2008/4/149966/>

<sup>3</sup> [http://www.bacgiang.gov.vn:8080/SKHCN/vietName/DetailNew.asp?id=0\\_13988\\_2402\\_0](http://www.bacgiang.gov.vn:8080/SKHCN/vietName/DetailNew.asp?id=0_13988_2402_0)

### 1.3 Yếu tố lãi suất

Trong bối cảnh lạm phát gia tăng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tăng lãi suất cơ bản VND và phát hành tín phiếu bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng nhằm thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ và kiềm chế lạm phát. Các biện pháp này đã dẫn đến cuộc chạy đua lãi suất huy động giữa các tổ chức tín dụng và kết quả là làm gia tăng lãi suất cho vay đồng Việt Nam. Quý I/2008 đã chứng kiến sự biến động mạnh về lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay trong hệ thống ngân hàng. Trong tháng 2/2008, hầu hết các ngân hàng thương mại đều đồng loạt tăng lãi suất cho vay tín dụng, với tỷ lệ áp dụng dao động từ 1,6%-1,8%/tháng<sup>4</sup>. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn xét duyệt cấp tín dụng của các ngân hàng cũng được siết chặt và nâng cao.

Kết quả việc tăng lãi suất này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp vay vốn ngân hàng để duy trì hoạt động và mở rộng sản xuất, làm cho chi phí lãi vay tăng dẫn đến chi phí sản xuất tăng mạnh, bị động trong các kế hoạch nhập khẩu nguyên liệu..., giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Việc thắt chặt tín dụng cũng làm ảnh hưởng đến việc huy động nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp.

Với quy mô vốn điều lệ hiện tại 70 tỷ đồng, doanh thu thuần năm 2007 đạt trên 500 tỷ, trong hoạt động kinh doanh, Công ty sử dụng một lượng vốn vay khá lớn (năm 2007: khoảng 56% tổng nguồn vốn). Với đặc điểm này, hoạt động của Công ty chứa đựng tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Trong điều kiện kinh doanh thông thường, vòng quay hàng tồn kho bình quân của Công ty năm 2007 là 5 vòng, sự luân chuyển nhanh của hàng tồn kho sẽ đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn. Tuy nhiên, nếu có biến động theo chiều hướng bất lợi về thị trường thép, hàng hoá gặp khó khăn trong tiêu thụ, Công ty sẽ phải đối mặt với rủi ro về khả năng thanh toán.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE thắt chặt kiểm soát định mức trong sản xuất và quản lý bán hàng, tiết giảm chi phí trong tất cả các khâu, hạn chế tối đa việc bán nợ cho khách hàng, thay vào đó thực hiện bán hàng thu tiền ngay.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thép, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật thuế. Ngoài ra, sau khi niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các quy định về thị trường chứng khoán. Hiện nay, các hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc áp dụng các văn bản luật còn gặp nhiều hạn chế. Do đó, Công ty có thể gặp một số rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động. Nhằm hạn chế tối đa rủi ro này, Công ty đã chủ động nghiên cứu, nắm bắt được các đường lối, chủ trương chính sách của Nhà nước, từ đó có kế hoạch phát triển cho phù hợp.

<sup>4</sup> <http://www2.thanhnien.com.vn/Kinhhte/2008/3/12/229786.tno>

### 3. Rủi ro đặc thù

#### 3.1 Rủi ro cạnh tranh:

- **Cạnh tranh trong nước:** Trong thời gian qua, Việt Nam chứng kiến sự phát triển bùng nổ của ngành thép. Đến năm 2007, tổng tiêu thụ thép tại Việt Nam đạt 10,2 triệu tấn (tăng 42% so với năm 2006), cùng với đó là sự ra đời của hàng loạt các nhà máy, liên hợp thép có quy mô lớn như dự án của Công ty Thép Việt (Việt Nam); dự án của Công ty TATA Steel (Ấn Độ); dự án của Công ty Posco (Hàn Quốc); dự án của Công ty Tycoon Steel và Tập đoàn Formosa (Đài Bắc - Trung Quốc) ... sẽ làm cho tổng cung của ngành thép Việt Nam tăng nhanh, không những đủ khả năng cung cấp cho thị trường nội địa mà còn có hướng tới thị trường xuất khẩu. Do đó, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước diễn ra ngày càng khốc liệt, các đơn vị có giá bán rất sát với giá thành sản phẩm, các dịch vụ bán hàng được thực hiện rất tốt. Ngoài ra, các yếu tố bên trong của Công ty cũng có tác động không nhỏ tới quá trình hoạt động như: khả năng quản lý, nguồn nhân lực... Để tồn tại và phát triển, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE đã có những biện pháp nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm; cơ cấu lại tồn kho nhằm hạn chế tối đa các chủng loại sản phẩm tiêu thụ chậm, tăng vòng quay sản xuất; thắt chặt khâu kiểm soát chất lượng từ đầu vào tới đầu ra. Đồng thời, Công ty cũng có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý cũng như công nhân...
- **Cạnh tranh quốc tế:** Sau khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO, việc cạnh tranh đối với doanh nghiệp nói chung và các đơn vị sản xuất kinh doanh thép nói riêng không chỉ trong nội địa mà áp lực cạnh tranh đến từ các nước trong khu vực và trên thế giới là rất mạnh mẽ. Hiện nay, các doanh nghiệp của Thái Lan, Philippines, Ấn Độ, ... và đặc biệt là Trung Quốc (nơi chiếm 1/3 nguồn cung thép toàn thế giới) đang cạnh tranh với các công ty Việt Nam không những tại thị trường Bắc Mỹ, EU ... mà còn chính tại thị trường Việt Nam. Tại các nước này, nguồn nguyên liệu đầu vào dồi dào, năng suất lao động cao do vậy chi phí sản xuất thấp hơn so với Việt Nam. Tuy nhiên, tại một số nước (trong đó có Trung Quốc) lại áp dụng thuế xuất khẩu sản phẩm thép ống nên về tổng thể, các doanh nghiệp sản xuất thép ống tại Việt Nam có thể cạnh tranh sòng phẳng với các nước trong khu vực.

#### 3.2 Rủi ro về giá nguyên liệu:

Các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam hầu hết phải nhập khẩu nguyên liệu từ Trung Quốc, Nga, Ukraina, Nam Phi, Hàn Quốc...(nguyên liệu chiếm trên 90% giá thành sản phẩm), do vậy ngành thép Việt Nam bị phụ thuộc rất nhiều vào diễn biến giá nguyên liệu thế giới đặc biệt tại những thời điểm biến động giá nhanh.

Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE chủ yếu là



thép cuộn cán nóng, cán nguội, chiếm 96% cơ cấu giá thành sản xuất. Công ty chủ yếu nhập khẩu nguyên liệu đầu vào từ Trung Quốc, Nga, Ukraina, Nam Phi, Hàn Quốc...

Việc nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài (đặc biệt với tôn cuộn cán nguội), chủ yếu là Trung Quốc có tính ổn định không cao cả về yếu tố giá lẫn tập quán kinh doanh, do vậy phần nào ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất của Công ty. Tại các thị trường khác như Nga, Ukraina, Nam Phi, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan ..., giá cả ổn định hơn nhưng thường cao hơn hàng của Trung Quốc từ 20-50 USD/tấn. Với nguồn nguyên liệu cán nóng thì tính ổn định cao hơn so với cán nguội, Công ty hầu như không gặp khó khăn trong việc nhập khẩu nguồn cán nóng.

Nhằm hạn chế rủi ro về giá nguyên liệu, Công ty luôn có kế hoạch chủ động nhập khẩu nguyên liệu. Tuy nhiên, biện pháp mang tính bền vững đã được Công ty thực hiện là đầu tư nhà máy sản xuất tôn cuộn cán nguội công suất 120.000 tấn/năm. Nguồn nguyên liệu phục vụ cho nhà máy này là tôn cuộn cán nóng được nhập khẩu từ Ukraina, Nga, Nam Phi, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Trung Quốc... Khác với việc nhập khẩu nguyên liệu cán nguội, số lượng chủng loại nhập khẩu lên tới 30, khi nhập khẩu cuộn cán nóng chỉ cần 4 – 5 chủng loại, điều này góp phần làm tối ưu cơ cấu tồn kho, giảm thời gian quay vòng vốn... Sản phẩm của dây chuyền này sẽ cung cấp đầy đủ nhu cầu nguyên liệu đầu vào cho sản xuất ống thép của không chỉ chính Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE mà còn bán cho các đơn vị khác trong và ngoài nước.

### **3.3 Rủi ro về tỷ giá:**

Cũng như đa số các Doanh nghiệp hoạt động trong ngành thép, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE thường xuyên phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài. Đồng thời, Công ty cũng có định hướng mở rộng sản xuất theo hướng xuất khẩu. Vì vậy, tỷ giá hối đoái có tác dụng không nhỏ tới giá nguyên liệu đầu vào cũng như giá bán của sản phẩm, và như vậy ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE đã đặt quan hệ đối tác với các tổ chức tín dụng lớn nhằm chủ động cân đối nguồn ngoại tệ phục vụ cho việc xuất nhập khẩu.

## **4. Rủi ro hoạt động**

### **4.1 Rủi ro vận hành nhà máy:**

Hiện nay, Công ty đang sử dụng hệ thống dây chuyền công nghệ tiên tiến của Đức và Đài Loan. Đây là những máy móc hiện đại nên rủi ro vận hành sẽ ít ảnh hưởng tới hoạt động của công ty. Đồng thời, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do tổ chức đánh giá hàng đầu thế giới DET NOSKE VERITAS (DNV) cấp. Việc quản lý công ty theo tiêu chuẩn quốc tế giúp giảm thiểu các rủi ro vận hành hệ thống, tối ưu hoá quy trình sản xuất.

### **4.2 Rủi ro quản lý:**

Bộ máy quản lý công ty được tổ chức và vận hành tốt. Công ty có các cán bộ có kinh

nghiệm nhiều năm trong ngành thép. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ công ty không ngừng được đào tạo nâng cao trình độ để có thể thích ứng với những yêu cầu ngày càng cao của công việc. Vì vậy, những vấn đề về rủi ro quản lý được hạn chế tối đa.

## **5. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu niêm yết**

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán đồng nghĩa với việc giá cổ phiếu của công ty sẽ chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: sự thay đổi của kết quả hoạt động kinh doanh, sự hiểu biết của nhà đầu tư đối với công ty và thị trường chứng khoán, tâm lý người đầu tư, tình hình kinh tế, điều kiện thị trường... Ngoài những yếu tố trên, khi công ty có nhu cầu tăng vốn mở rộng sản xuất kinh doanh sẽ phát sinh rủi ro loãng giá. Vốn tăng, áp lực trả cổ tức cho cổ đông cũng tăng, xét trong ngắn hạn, việc tăng vốn sẽ làm giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE giảm. Tuy nhiên cần phải xét đến mục đích và tính khả thi của những dự án dùng để huy động vốn. Giá cổ phiếu trong dài hạn sẽ tăng nếu các dự án của Công ty đưa ra là khả thi và có hiệu quả cao.

## **6. Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VGPIPE đã được đề phòng bằng biện pháp mua bảo hiểm vật chất cho các tài sản hiện có của Công ty, bảo hiểm cho việc đình trệ sản xuất do thiên tai gây ra .

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức niêm yết – Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE**

<b>Ông Lê Minh Hải</b>	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
<b>Bà Nguyễn Thị Nhi</b>	Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị/Kế toán trưởng Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
<b>Ông Ngô Vi Anh Tú</b>	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

## 2. Tổ chức tư vấn – Công ty CP Chứng khoán SeABank (SeABS)

Bà **Nguyễn Thị Vân** Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán SeABank tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do VG PIPE cung cấp.

### III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty: Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
- Tổ chức niêm yết: Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
- VG PIPE: Tên viết tắt của Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
- VDS: Công ty CP Thép Việt Đức
- VGI: Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt Đức
- SeABS: Tên viết tắt của Công ty CP Chứng khoán SeABank
- UBCKNN: Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước
- TTGDCK: Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- BKS: Ban Kiểm soát
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- BHXH: Bảo hiểm xã hội
- CNĐKKD: Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- BCTC: Báo cáo tài chính
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- XNK: Xuất nhập khẩu
- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp
- Tỷ giá USD/VND tạm tính: 1 USD = 16.000 VNĐ

### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

#### 1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

##### 1.1 Thông tin chung:

- Tên Công ty: CÔNG TY CP ÓNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE
- Tên tiếng Anh: Vietnam Germany Steel Pipe Joint Stock Company

- Tên viết tắt: VG PIPE



**Toàn cảnh Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE (ảnh chụp)**

- Biểu tượng Công ty



- Trụ sở chính: Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Điện thoại: 0211.3887 863
- Fax: 0211.3887 912
- E-mail: [vgpipe@hn.vnn.vn](mailto:vgpipe@hn.vnn.vn)
- Website: [www.vgpipe.com.vn](http://www.vgpipe.com.vn)
- Tài khoản: 4261 00000 55252
- Tại Ngân hàng: Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Phúc Yên
- Mã số thuế: 2500267703
- Số ĐKKD: 1903000254
- Ngày cấp: 31/01/2007
- Thay đổi lần thứ 4: 05/05/2008
- Đơn vị cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc.
- Các văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện tại Hà Nội:  
Địa chỉ: 28 Đường Phạm Hùng – Hà Nội

Điện thoại: 04.3784 4977- Fax: 04.3784 8006

*Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng:*

Địa chỉ: 700 Điện Biên Phủ - P. Thanh Khê-Q. Thanh Khê – TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3814 202 - Fax: 0511.3814 202

*Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh:*

Địa chỉ: 630 QL1A – P. An Lạc – Q. Bình Tân – TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3756 1482 - Fax: 08.3756 1482

### 1.2 *Vốn hoạt động:*

- Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng (bảy mươi tỷ đồng chẵn).
- Tổng số lượng cổ phần: 7.000.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

**Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 25/08/2008 như sau:**

**Bảng 1: Cơ cấu vốn điều lệ thời điểm ngày 25/08/2008**

<b>TT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ phần (cổ phần)</b>	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>1</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>400.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>5,71%</b>
1.1	<i>Trong nước</i>	400.000	4.000.000.000	5,71%
1.2	<i>Nước ngoài</i>	0	0	0%
<b>2</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>6.600.000</b>	<b>66.000.000.000</b>	<b>94,29%</b>
2.1	<i>Trong nước</i>	6.600.000	66.000.000.000	94,29%
2.2	<i>Nước ngoài</i>	0	0	0%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: VG PIPE)

**Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty:**

**Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty**

<b>Thời gian</b>	<b>Vốn điều lệ (VND)</b>	<b>Giá trị tăng (VND)</b>	<b>Phương thức</b>
31/01/2007	35.000.000.000	0	Góp vốn (vốn điều lệ) thành lập công ty cổ phần
02/04/2007	70.000.000.000	35.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho 21 nhà đầu tư

(Nguồn: VG PIPE)

Tại đợt phát hành ngày 02/04/2007, công ty tiến hành phát hành riêng lẻ với mục đích tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng, tổng số cổ phần phát hành là 3.500.000 cổ phần. Kết quả đợt phát hành như sau

**Bảng 3: Kết quả đợt phát hành riêng lẻ**

TT	Đối tượng	Số lượng (cổ đông)	Số cổ phần (cổ phần)
1	Cổ đông hiện hữu	09	1.000.000
2	Cổ đông chiến lược	04	502.000
3	Cán bộ công nhân viên	02	90.000
4	Cổ đông mới	06	1.908.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>21</b>	<b>3.500.000</b>

(Nguồn: VG PIPE)

Đến ngày 15/11/2007, công ty đã hoàn tất đợt phát hành và đến ngày 26/11/2007, Công ty đã hoàn tất thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 3.

### **1.3 Hồ sơ pháp lý:**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho đăng ký lần đầu ngày 31/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 cấp ngày 05/05/2008.

Kể từ khi thành lập, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 04 lần, lần lượt như sau:

- Lần 1 (26/03/2007) : Thay đổi cơ cấu cổ đông sáng lập
- Lần 2 (04/06/2007) : Tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng
- Lần 3 (26/11/2007) : Thay đổi lại số cổ phần có quyền chào bán
- Lần 4 (05/05/2008) : Thay đổi ngành nghề kinh doanh.

**1.4 Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho đăng ký lần đầu ngày 31/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05/05/2008 :**

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép
- Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt
- Sản xuất các cấu kiện cho thép xây dựng
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình thương mại, dân dụng
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ

- Vận tải hành khách, vận tải hàng hóa, vận tải bê tông tươi
- Bóc xếp hàng hoá; Dịch vụ kho vận
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Môi giới thương mại
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE là Nhà máy Ống thép Việt Đức trực thuộc Công ty Thép và Vật tư Công nghiệp SIMCO.

Ngày 25/12/2002, Nhà máy Ống thép Việt Đức (VGPIPE) được xây dựng trên diện tích 8,2 ha tại khu công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, với 6 dây chuyền sản xuất ống thép đen và 01 dây chuyền sản xuất ống thép mạ theo công nghệ hiện đại của Cộng hoà liên bang Đức với công suất 60.000 tấn/năm. Nhà máy hoàn thành đầu tư và bắt đầu cung cấp sản phẩm kể từ tháng 07/2003.

Song song với quá trình đầu tư xây dựng, lắp đặt và chạy thử, Nhà máy ống thép Việt - Đức đã xây dựng và đưa vào áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN/9001:2000, Nhà máy đã được tổ chức Det Norske Veritas đánh giá và cấp chứng chỉ ISO 9001:2000 (Chứng chỉ số 1704-2003-AQ-SIN-UKAS) ngày 10/12/2003.

Ngày 01/02/2007, Nhà máy Ống thép Việt Đức chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với tên gọi “**Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**”, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1903000254 ngày 31/01/2007. Trong quá trình chuyển đổi, Trung tâm thẩm định giá của Bộ tài chính đã thực hiện việc xác định lại giá trị doanh nghiệp. Công ty đã đi vào sản xuất và cung cấp sản phẩm ngay sau đó.

Cùng với quá trình phát triển của đất nước, sau một thời gian dài hoạt động Công ty cổ phần ống thép Việt - Đức ngày càng khẳng định vị thế, thương hiệu của mình trên thị trường ống thép trong và ngoài nước bằng việc cung cấp ra thị trường các sản phẩm đa dạng về chủng loại, đáp ứng tốt các yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn Anh quốc BS 1387:1985; tiêu chuẩn của Mỹ ASTM A53 A, API 5L (tiêu chuẩn riêng biệt cho ống thép dẫn dầu đòi hỏi chịu áp lực rất cao) cho các loại ống thép đen có đường kính từ Ø12,7 mm đến Ø 219,1 mm và ống thép mạ kẽm tròn đường kính từ Ø 21,2 mm đến Ø 113,5 mm; tuân thủ tiêu chuẩn Hàn Quốc KS D3568:1986 đối với các loại ống thép vuông và chữ nhật. Năm 2007, thị phần sản lượng tiêu thụ của ống thép Việt Đức chiếm xấp xỉ 11%

tổng sản lượng tiêu thụ ra thị trường của cả nước <sup>5</sup>. Sản phẩm ống thép Việt Đức đã tham gia cung cấp cho nhiều công trình lớn, công trình trọng điểm quốc gia, các công trình có vốn đầu tư nước ngoài; hơn nữa Công ty đã xuất khẩu sản phẩm của mình đến nhiều vùng lãnh thổ trên thế giới như Mỹ, Canada, EU, Indonesia, Lào, Myanmar ... VG PIPE đã trở thành đối tác tin cậy của nhiều chủ đầu tư, đơn vị thi công xây dựng, các nhà sản xuất hàng gia dụng và nội thất hàng đầu trong nước và quốc tế.

Tính đến nay, sản phẩm ống thép Việt Đức đã được nhiều công trình lớn sử dụng như: Cầu Thanh Trì, Cầu Vĩnh Tuy, Cầu Pháp Vân, Trung tâm Hội nghị Quốc Gia...; Các tòa nhà cao tầng, khu chung cư cao cấp như The Manor, Keangnam, The Landmark; các khu dân cư...; Nhà máy xi măng Thăng Long, Công ty Ximăng Hoàng Thạch, Nhiệt điện Phả Lại, Nhiệt điện Uông Bí, đường cao tốc Sài Gòn – Trung Lương ...

**Bảng 4: Danh sách một số dự án lớn đã thực hiện trong thời kỳ 2003-2007**  
(của Nhà máy Ống thép Việt Đức trước đây, nay là VG PIPE)

*Đơn vị tính: tỷ VND*

TT	Tên công trình	Địa chỉ	Tổng giá trị HĐ	Giá trị công trình	Tên cơ quan chủ công trình
1	Cầu Thanh Trì, Cầu Pháp Vân	Hà Nội	14	9.000	Bộ Giao thông vận tải
2	Cầu Vĩnh Tuy	Hà Nội	8	5.000	UBND TP Hà Nội
3	NM Nhiệt điện Uông Bí mở rộng	Quảng Ninh	2	3.200	Tập đoàn Điện lực VN
4	Dự án đường cao tốc Sài Gòn – Trung Lương	Tp. HCM	2	7.000	Bộ Giao thông vận tải
5	Chung cư cao cấp The Manor	Hà Nội	3	1.600	Công ty Bitexco
6	Trung tâm Hội nghị Quốc gia	Hà Nội	4	4.000	Bộ Kế hoạch Đầu tư
7	Trung tâm Thương mại Vincom	Hà Nội	4	1.600	Công ty CP Vincom
8	Khách sạn 70 tầng Keangnam	Hà Nội	3	8.000	Tập đoàn Keangnam – Hàn Quốc

(Nguồn: VG PIPE)

<sup>5</sup> Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam - VSA



**Bảng 5: Một số danh hiệu Công ty đạt được**  
**(của Nhà máy Ống thép Việt Đức trước đây, nay là VG PIPE)**

<b>TT</b>	<b>Thành tích đạt được</b>	<b>Năm</b>	<b>Cơ quan</b>
1	Chứng chỉ ISO: 9001 do tổ chức đánh giá quốc tế DNV cấp theo chứng chỉ số 1704-2003-AQ-SIN-UKAS ngày 10/12/2003	2003	Det Nost Veritas
2	Bằng khen của Ủy ban quốc gia về hợp tác Kinh tế Quốc tế cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong phát triển sản phẩm và thương hiệu tham gia hội nhập kinh tế quốc tế theo Quyết định số 190/QĐ-UBQG ngày 26/08/2004	2004	Ủy ban quốc gia về hợp tác Kinh tế Quốc tế
3	Giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2004 theo Quyết định số: 2605/2004/QĐ/BKHCN ngày 22/12/2004.	2004	Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
4	Giải thưởng Sao vàng Đất Việt của Ủy ban Trung ương Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam theo Quyết định số 29/2004/QĐ/DNTVN ngày 20/08/2004.	2004	Ủy ban Trung ương Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam
5	Huy chương vàng cho ống thép mạ kẽm, ống thép tròn đen, ống thép đen vuông, chữ nhật theo Quyết định số: 451/QĐ-VP ngày 18/03/2004.	2004	Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
6	Huy chương vàng cho ống thép mạ kẽm, ống thép tròn đen, ống thép đen vuông, chữ nhật tại Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam năm 2004.	2004	Bộ trưởng Khoa học Công nghệ
7	Giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2005 theo Quyết định số: 2688/2005/QĐ/BKHCN ngày 14/10/2005.	2005	Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
8	Cúp vàng chất lượng tại Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam năm 2005.	2005	Bộ Khoa học Công nghệ
9	Bằng khen đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ công tác năm 2006 theo Quyết định số: 208/QĐ/BCN ngày 16/01/2007	2006	Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

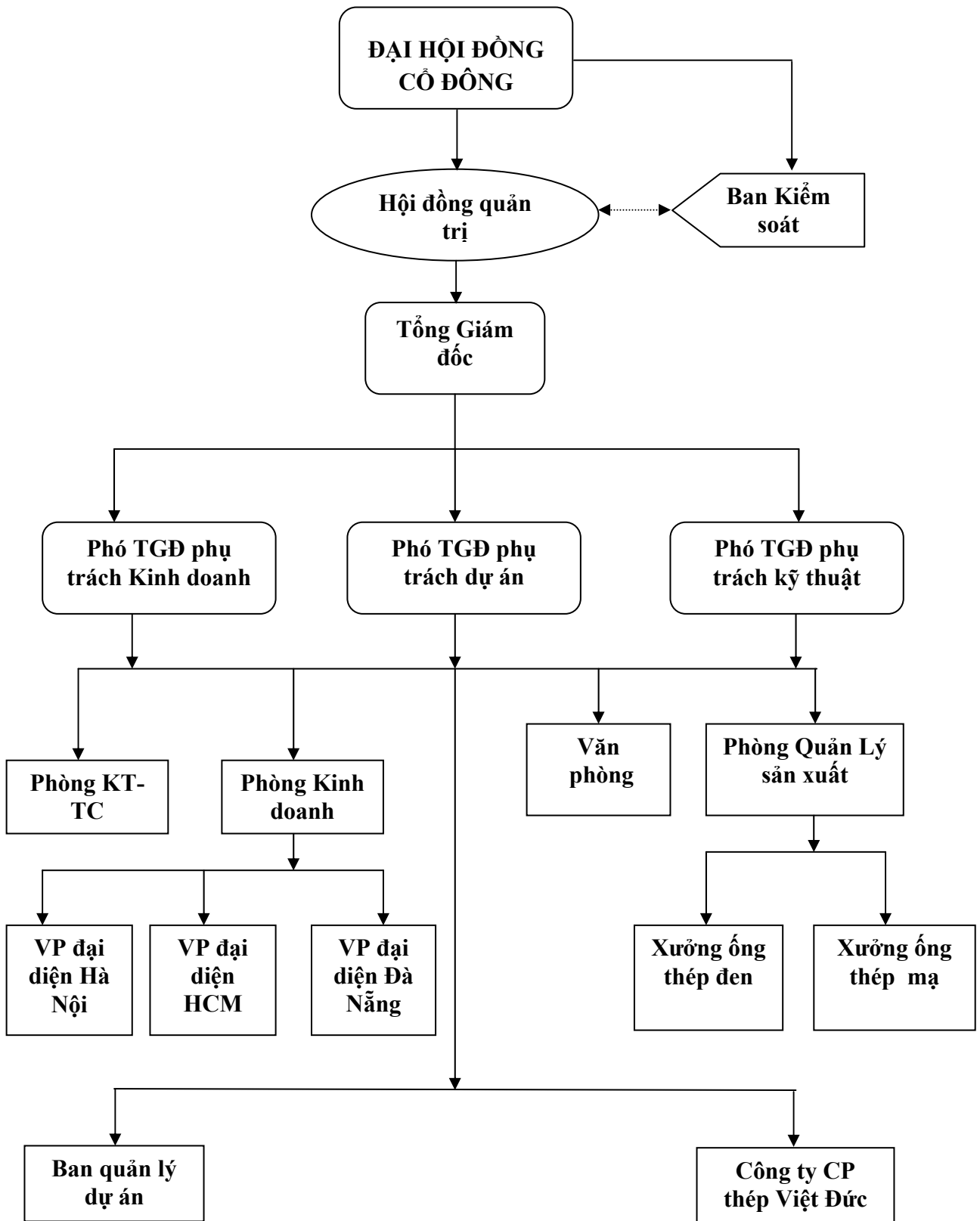
10	Cúp và thương hiệu công nghiệp hàng đầu Việt Nam theo Quyết định số: 23/QĐ-BTC ngày 23/06/2007.	2007	Bộ Công nghiệp
11	Cúp vàng thương hiệu ngành xây dựng cho thương hiệu VG PIPE ngày 06/09/2007	2007	Bộ Xây dựng
12	Cúp vàng ISO trao tặng tháng 09/2007.	2007	Bộ Khoa học Công nghệ kết hợp với Liên đoàn LĐVN
13	Giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2007	2007	Bộ Công nghiệp
14	Huy chương vàng cho ống thép mạ kẽm, ống thép tròn đen, ống thép đen vuông, chữ nhật tại Hội chợ triển lãm quốc tế Vietbuild 2007.	2007	Bộ Xây dựng
15	Nhiều bằng khen của UBND tỉnh Vĩnh Phúc cho các cá nhân và tập thể trong lĩnh vực hoạt động sản xuất	2003 - 2007	UBND tỉnh Vĩnh Phúc
16	Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ	2007	Chính Phủ

(Nguồn: VG PIPE)

### 3. Cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý Công ty

Công ty có cấu trúc bộ máy tổ chức và quản lý theo mô hình Công ty cổ phần (xem sơ đồ), bao gồm:

**Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý Công ty CP Óng thép Việt - Đức VG PIPE**



### **Đại hội đồng cổ đông.**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có nhiệm vụ quyết định các nội dung sau:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Phê duyệt phương án trả cổ tức hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp.
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn công ty kiểm toán;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

### **Hội đồng quản trị.**

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc

về Đại hội đồng cổ đông:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

### **Ban kiểm soát.**

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 (ba) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín, trong đó ít nhất phải có một thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban, quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát được quy định tại Điều 36 của Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát có các nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông.
- Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của

Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiến nghị biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp, cách thức hoạt động nhưng không họp ít hơn hai lần mỗi năm và số thành viên tối thiểu phải có trong cuộc họp là 2 người.
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **Tổng Giám đốc điều hành**

Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba năm (03 năm) và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng

quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Vào ngày 31 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
- Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

### **Phòng kế hoạch kinh doanh**

#### **Chức năng:**

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc quản lý và điều hành lĩnh vực tổ chức thị trường, kinh doanh, xuất khẩu theo quy định của Công ty và Pháp luật.
- Tham mưu và trách nhiệm chính trong việc giúp Tổng Giám đốc Công ty hoạch định chính sách bán hàng, tổ chức bán hàng tại Công ty và cung ứng cho các nhà phân phối.
- Tiếp thị thu nhận xử lý thông tin, dự báo khả năng và năng lực thị trường qua từng thời gian kế hoạch nhằm quản lý, tiêu thụ sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất và mở rộng thị phần tiêu thụ cho Công ty.

#### **Nhiệm vụ:**

- Tổ chức thu thập, phân tích, dự báo nhu cầu thị trường, xây dựng chiến lược thị trường, hệ thống đại lý và chính sách đối với khách hàng, chiến lược sản phẩm (quảng cáo, khuyến mại...) về thị trường ống thép trong và ngoài nước.
- Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch sản phẩm, kinh doanh của Công ty theo từng tháng,

quý, năm phù hợp với nhu cầu của thị trường và năng lực sản xuất của Công ty. Phối hợp với phòng quản lý sản xuất đảm bảo tính đồng bộ của sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng.

- Giao dịch, đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước để giúp Tổng Giám đốc ký kết các Hợp đồng kinh tế.
- Soạn thảo các Hợp đồng kinh tế, các biểu mẫu, báo cáo liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổ chức thực hiện các Hợp đồng bán hàng do Tổng Giám đốc ký kết với các đối tác trong nước và nước ngoài theo đúng quy định của Pháp luật và quy định của Công ty.
- Xây dựng và quản lý khung giá bán sản phẩm của Công ty để trình Tổng Giám đốc quyết định chính sách giá đối với một số sản phẩm của Công ty theo nhu cầu thị trường.
- Xây dựng và quản lý hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty. Tổ chức hội nghị khách hàng theo quy định của Công ty.
- Xây dựng, sửa đổi hệ thống quản lý chất lượng theo ISO thuộc lĩnh vực kinh doanh, thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO của Công ty.
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ (tháng, quý, năm) và đột suất về lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Giám đốc giao.

### **Văn phòng Công ty**

#### **Chức năng**

Văn phòng Công ty là phòng chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành công tác tổ chức cán bộ, quản lý lao động, tiền lương, quản trị văn phòng, an ninh bảo vệ, vật tư xuất nhập theo quy chế, điều lệ hoạt động và các quy định của công ty cũng như các quy định của Pháp luật liên quan.

#### **Nhiệm vụ**

- Xây dựng bộ máy tổ chức, chức năng nhiệm vụ và phối hợp công tác giữa các phòng ban Công ty.
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, quản lý công tác nhân sự, hồ sơ cán bộ, công nhân viên của Công ty theo đúng luật lao động.
- Xây dựng kế hoạch chương trình đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, tổ chức thi tay nghề, nâng bậc cho CBCNV Công ty.
- Xây dựng kế hoạch định biên, bố trí sắp xếp lao động, xây dựng đơn giá tiền lương, mức lương, phụ cấp và hình thức trả lương cho người lao động trong Công ty.
- Thực hiện chế độ chính sách về BHXH, BHYT và các chế độ khác đối với người lao động theo quy định của Nhà nước và của Công ty.
- Quản lý hồ sơ pháp lý của Công ty, quản lý con dấu của Công ty và tổ chức thực hiện tốt công tác văn thư, bảo mật, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu của Công ty.



- Quản lý công tác hành chính, quản trị văn phòng, phương tiện của Công ty.
- Tổ chức công tác y tế, vệ sinh văn phòng của Công ty.
- Tổ chức và quản lý nhà ăn tập thể của Công ty đảm bảo vệ sinh thực phẩm và nâng cao đời sống cho người lao động làm việc trong Công ty.
- Tổ chức và quản lý công tác an ninh, bảo vệ tại Công ty theo quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương.
- Xây dựng, sửa đổi các văn bản thuộc hệ thống quản lý chất lượng theo ISO thuộc lĩnh vực tổ chức hành chính, thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng theo ISO của Công ty, quản lý lưu trữ toàn bộ hồ sơ ISO của Công ty.
- Thực hiện các chế độ báo cáo và nhiệm vụ khác do Ban lãnh đạo Công ty giao.
- Lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện việc mua nguyên vật liệu, thiết bị, vật tư... bảo đảm phục vụ kịp thời, chính xác, hiệu quả nhu cầu về vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu cho các bộ phận có liên quan nói riêng và Công ty nói chung trong từng giai đoạn hoạt động cụ thể.
- Chấp hành các quy định của Công ty. Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật và chính quyền địa phương.

### **Phòng quản lý sản xuất**

#### ***a) Phân xưởng ống thép đen.***

##### Chức năng:

- Phân xưởng ống thép đen là một bộ phận của Phòng quản lý sản xuất và trực tiếp sản xuất các sản phẩm ống thép đen hàn, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Trưởng phòng Quản lý sản xuất ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Quản lý hướng dẫn và kiểm tra việc sử dụng thiết bị.
- Tổ chức sản xuất và điều động nhân lực giữa các ca sản xuất, bố trí nhân lực phù hợp với các vị trí trong phân xưởng.

##### Nhiệm vụ:

- Tổ chức sản xuất để tạo ra các sản phẩm ống thép đen theo đúng yêu cầu về chủng loại, số lượng thời gian và các yêu cầu về kỹ thuật khác.
- Hướng dẫn và giám sát toàn bộ công nhân thực hiện đúng nội quy, quy định của Công ty.

#### ***b) Phân xưởng ống thép mạ***

##### Chức năng:

- Phân xưởng ống thép mạ là một bộ phận của Phòng quản lý sản xuất và trực tiếp sản xuất các sản phẩm ống thép mạ kẽm, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Trưởng phòng Quản lý sản xuất và ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Quản lý, hướng dẫn và kiểm tra việc sử dụng dây chuyền công nghệ mạ trong sản xuất.
- Quản lý, điều động nhân lực và tổ chức sản xuất.

Nhiệm vụ:

- Sản xuất tạo ra sản phẩm ống thép mạ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng sản phẩm theo đúng kế hoạch được giao.
- Thực hiện nội quy, quy định của Công ty.
- Đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị.
- Quản lý lao động và kỷ luật lao động.
- Đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh trật tự trong khu vực sản xuất, đặc biệt chú ý công tác phòng chống cháy nổ.
- Thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO

**c) Bộ phận kỹ thuật chất lượng.**Chức năng

Bộ phận kỹ thuật chất lượng là một bộ phận của phòng Quản lý sản xuất. Tham mưu cho Trưởng phòng QLSX và Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện quản lý điều hành công tác kỹ thuật, công nghệ, chất lượng sản phẩm theo quy chế, điều lệ hoạt động của Công ty và quy định của các ban ngành có liên quan.

Nhiệm vụ:

- Lập hồ sơ lý lịch toàn bộ máy móc thiết bị, kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa đột xuất các thiết bị máy móc thuộc lĩnh vực phục vụ sản xuất.
- Nghiên cứu đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm tiêu hao trong quá trình sản xuất.
- Quản lý giám sát việc thực hiện vận hành máy móc và việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất.
- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng.
- Phối hợp các bộ phận xây dựng nội quy an toàn lao động và vệ sinh môi trường.
- Kiểm tra và cấp chứng chỉ cho những lô hàng có yêu cầu.

**Phòng Tài chính kế toán:**Chức năng

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty trong công tác quản lý kế toán tài chính, đảm bảo việc bảo toàn và phát triển vốn tại đơn vị. Thực hiện việc đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cân đối chi phí và nguồn thu để đảm bảo khả năng trả nợ các khoản vay của Công ty.
- Giúp Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán trong Công ty theo Quy định của Nhà nước và theo điều lệ Công ty.
- Giám đốc đồng tiền để kiểm tra, kiểm soát, giám sát quá trình phân phối sử dụng vốn, tài sản đảm bảo đúng chế độ quản lý hiện hành của Nhà nước và theo quy định của Công ty. Giúp Tổng giám đốc chỉ đạo sản xuất kinh doanh kịp thời và có hiệu quả kinh tế cao.

Nhiệm vụ:

- Tổ chức Công tác kế toán, thống kê và bộ máy kế toán, thống kê phù hợp với đặc điểm và nhiệm vụ của Công ty. Đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu của công tác hạch toán kế toán.
- Tổ chức ghi chép, tính toán, hạch toán, định khoản và phản ánh một cách kịp thời, trung thực và đầy đủ toàn bộ vật tư, tài sản, tiền vốn và tình hình biến động của vật tư, tài sản, tiền vốn của toàn Công ty.
- Tổ chức ghi chép, tính toán, hạch toán, định khoản và phản ánh một cách kịp thời, trung thực và đầy đủ các yếu tố chi phí cấu thành nên giá thành phẩm, bán thành phẩm theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của công ty.
- Tổ chức ghi chép, tính toán, hạch toán, định khoản và phản ánh một cách kịp thời, trung thực và đầy đủ toàn bộ doanh thu, đầu vào, và xác định kết quả kinh doanh.
- Lập và gửi đúng hạn báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thống kê định kỳ theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty.
- Tổ chức kiểm tra kế toán, phổ biến và hướng dẫn thi hành kịp thời các chế độ tài chính, kế toán của Nhà nước và của Công ty.
- Chủ trì phối hợp với các phòng ban lập kế hoạch nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm. Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình phân phối sử dụng vốn, đảm bảo đúng chế độ Nhà nước quy định.
- Tiến hành trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty. Kết hợp với các phòng, ban xây dựng trình Ban giám đốc và tổ chức triển khai thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ và các định mức chi tiêu khác phù hợp với tình hình kết quả sản xuất kinh doanh từng thời kỳ, đảm bảo chế độ quy định của Nhà nước và Công ty.
- Tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc chấp hành các chính sách chế độ tài chính, chính sách tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động. Thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, tiền gửi, tiền vay và các hợp đồng kinh tế tại Công ty.
- Chủ trì kết hợp với phòng kế hoạch kinh doanh xác nhận công nợ và các khoản phải thu khác của khách hàng và tổ chức triển khai các biện pháp giải quyết các khoản công nợ.
- Thông qua hoạt động tài chính, phòng Kế toán – tài chính có trách nhiệm phát hiện những vấn đề bất cập trong công tác quản lý, trong việc thực hiện chính sách chế độ tài chính kế toán. Từ đó tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty các biện pháp tăng cường công tác quản lý ngày càng chặt chẽ hơn.

**Các văn phòng đại diện của Công ty:**Chức năng:

Là đầu mối giao nhận hàng hoá và giao dịch thương mại với các khách hàng tại các các tỉnh gần văn phòng đại diện (cụ thể: văn phòng Hà nội các tỉnh phía Bắc; văn

phòng Đà Nẵng là các tỉnh Miền Trung; văn phòng TP. HCM là các tỉnh phía Nam)

Nhiệm vụ:

- Tổ chức, nghiên cứu, phân tích nhu cầu thị trường ống thép các loại, tình hình giá cả và giao dịch với các khách hàng theo uỷ quyền của Công ty.
- Xây dựng và tổ chức chiến lược Marketing, tiếp cận các dự án công trình thi công và doanh nghiệp bán buôn, bán lẻ trên thị trường khu vực.
- Bảo quản, giao, nhận hàng hoá của Công ty với khách hàng tại thị trường quản lý.
- Quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản, trang thiết bị và nhân lực được Công ty giao.
- Chấp hành Pháp luật Nhà nước, điều lệ, nội quy, quy chế của Công ty.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông**

**Bảng 6: Danh sách Cổ đông nắm trên 5% vốn Cổ phần (tại thời điểm 25/08/2008)**

STT	Cổ đông	Số cổ phần phổ thông	Vốn góp (triệu đồng)	Tỷ trọng vốn góp (%)
<b>1</b>	<b>Lê Minh Hải</b> Địa chỉ: 118-12D1, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. CMND số: 011561820 Ngày cấp: 01/08/2002; Nơi cấp: CA Hà Nội	1.670.000	16.700	23,857
<b>2</b>	<b>Nguyễn Thị Thanh Thủy</b> Địa chỉ: Số 3, Khâm Thiên, Đống Đa, Hà nội. CMND số: 010350544 Ngày cấp: 25/7/2002; Nơi cấp: CA Hà Nội	1.312.500	13.125	18,750
	<b>TỔNG</b>	<b>2.982.500</b>	<b>29.825</b>	<b>42,607</b>

Nguồn: VG PIPE

**Bảng 7: Danh sách Cổ đông sáng lập**

(Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000254 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05/05/2008)

STT	Cổ đông	Số cổ phần phổ thông (cổ phần)	Vốn góp (triệu đồng)	Tỷ trọng vốn góp (%)
1	<b>Lê Minh Hải</b> Địa chỉ: 118-12D1, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. CMND số: 011561820; Cấp ngày 01/08/2002; Nơi cấp: CA Hà Nội	1.670.000	16.700	23,857
2	<b>Nguyễn Thị Thanh Thủy</b> Địa chỉ: Số 3, Khâm Thiên, Đống Đa, Hà nội. CMND số: 010350544 Cấp ngày 25/7/2002; Nơi cấp: CA Hà Nội	1.312.500	13.125	18,750
3	<b>Đỗ Thanh Tùng</b> Địa chỉ: Số 3, Khâm Thiên, Đống Đa, Hà nội. Hộ chiếu số: B0026284 Ngày cấp: 10/10/2005; Nơi cấp: Bộ Công an	100.000	1.000	1,429
4	<b>Nguyễn Thị Nhi</b> Địa chỉ: 79 Lương Khánh Thiện, Hoàng Mai, Hà nội CMND số: 013024442 Ngày cấp: 9/12/2007; Nơi cấp: CA Hà Nội	55.000	550	0,786
5	<b>Nguyễn Hữu Thế</b> Địa chỉ: Thôn Phú Hòa, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây CMND số: 111711005 Ngày cấp: 31/7/2000; Nơi cấp: CA Hà Tây	50.000	500	0,714
6	<b>Ngô Vi Anh Tú</b> Địa chỉ: Số 24, ngõ 122, Khương Đình, phường Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà nội. CMND số: 013024442 Ngày cấp: 9/12/2007; Nơi cấp: CA Hà Nội	50.000	500	0,714
7	<b>Nguyễn Ngọc Bảo</b> Địa chỉ: 63 Nguyễn Khắc Nhu, P. Trung Trực, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội CMND số: 010 996912 Ngày cấp: 29/6/2001; Nơi cấp: CA Hà Nội	100.000	1.000	1,429

<b>8</b>	<b>Lê Phan Đức</b> Địa chỉ: Số 19, ngõ 44, Phố Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, HBT, Hà Nội CMND số: 012792826 Ngày cấp: 19/5/2005; Nơi cấp: CA Hà Nội	50.000	500	0,714
<b>9</b>	<b>Nguyễn Hữu Nam</b> Địa chỉ: Tổ 1A-69, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội CMND số: 011 059 282 Ngày cấp: 06/11/2001; Nơi cấp: CA Hà Nội	62.500	625	0,893
<b>10</b>	<b>Nguyễn Vinh Tuyên</b> Địa chỉ: Số 3, ngõ 114, đường Thụy Khê, Tây Hồ, Hà Nội CMND số: 010 199 865 Ngày cấp: 25/7/1978; Nơi cấp: CA Hà Nội	50.000	500	0,714
	<b>TỔNG</b>	<b>3.500.000</b>	<b>35.000</b>	<b>50</b>

(Nguồn: VG PIPE)

**Quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập:** Trong thời hạn ba năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động (từ ngày 31/01/2007 đến ngày 31/01/2010), cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết (tại thời điểm 25/08/2008)**

**5.1 Công ty con của Công ty: Công ty cổ phần thép Việt Đức (VDS)**

- Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.
- Giấy ĐKKD: Số 1903000336 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 17/9/2007.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thép cán nguội, băng thép và ống cỡ lớn.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.
- Số vốn thực góp tính đến thời điểm 25/08/2008: 25.000.000.000 đồng
- Số vốn VG PIPE góp: 24.960.000.000 đồng tương đương 99,8% vốn điều lệ
- Số vốn thực góp của VG PIPE tính đến thời điểm 25/08/2008: 24.960.000.000 đồng
- Tính đến tháng 8/2008, Công ty Cổ phần thép Việt Đức (VDS) đã hoàn thành tiến

độ, hiện đã sản xuất thử dây chuyền ống thép cỡ lớn trong tháng 6/2008, và trong tháng 7/2008 đã đi vào chạy chính thức. Sản phẩm ống thép cỡ lớn của VDS đã được thị trường đón nhận với đánh giá cao về chất lượng sản phẩm (đặc biệt là mối hàn – tiêu chí quan trọng hàng đầu đối với sản phẩm thép ống). Các khách hàng đã có những đơn đặt hàng với số lượng lớn, đây là tín hiệu rất khả quan chứng minh tính đúng đắn và khả thi trong chính sách đầu tư của Công ty.

### **5.2 Công ty liên kết: Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Việt Đức (VGI)**

- Địa chỉ: Khu hành chính 8, Phường Đồng Đa, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Giấy chứng nhận đầu tư số: 191032000038 do Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 09/8/2007 và thay đổi lần thứ nhất ngày 06/09/2007.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các sản phẩm tiện, đinh vít, bu lông, đai ốc, rivê, vòng điện, gioăng kim loại.
- Vốn điều lệ: 1.562.000USD (tương đương 24.992.000.000 đồng).
- Vốn thực góp tính tới thời điểm 25/08/2008: 19.105.926.832 đồng
- Số vốn VG PIPE góp: 593.560USD (tương đương 9.496.960.000 đồng), tương đương 38% vốn điều lệ.
- Số vốn thực góp của VG PIPE tính đến thời điểm 25/08/2008: 7.350.000.000 đồng
- Tính đến tháng 7/2008, Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Việt Đức (VGI) đã chính thức đi vào sản xuất.

## **6. Hoạt động sản xuất, kinh doanh**

### **6.1 Sản lượng sản phẩm giá trị dịch vụ năm 2007**

VG PIPE là doanh nghiệp hàng đầu trong công nghiệp sản xuất thép ống tại Việt Nam. Hiện nay, Công ty đang sở hữu hệ thống dây chuyền công nghệ hiện đại của Mỹ, CHLB Đức và Đài Loan.

Sản phẩm của Công ty rất đa dạng về chủng loại như: thép ống đen đường kính ngoài từ Ø 12,7 mm đến Ø 219,1 mm có chất lượng cao theo các tiêu chuẩn của Mỹ ASTM A53 A, API 5L (đây là tiêu chuẩn dành riêng cho ống dẫn dầu đòi hỏi chịu áp lực rất cao lên đến 210 atm), tiêu chuẩn của Anh quốc BS 1387-1985; thép ống đen vuông, chữ nhật □ 12 x 12 mm đến □ 90 x 90 mm theo tiêu chuẩn Hàn Quốc KS D3568 – 1986; thép cuộn cán nguội có chất lượng cao với khổ rộng từ 480 mm đến 750 mm.



**Ống thép mạ kẽm nhúng nóng**



**Ống thép hàn đen tròn, vuông, chữ nhật**


**Ớng thép cỡ lớn**

**Tôn cán nguội**

**Bu lông, ốc vít**

Sản phẩm của VG PIPE ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực như dẫn dầu, dẫn khí; công nghiệp đóng tàu, ngành cơ khí, hệ thống giàn không gian, giàn giáo, cấp thoát nước, sản phẩm nội thất, công nghiệp ô tô xe máy ...

Chỉ sau hơn 4 năm có mặt trên thị trường, các sản phẩm ống thép của VG PIPE đã xác lập được vị trí vững chắc và ngày càng nâng cao vị thế trên thị trường. Sản lượng tiêu thụ, thị phần của VG PIPE đều tăng trưởng qua từng năm kể từ năm 2003. Hiện tại, thị phần thép ống tiêu thụ của VG PIPE năm 2007 chiếm khoảng 11% toàn quốc.

#### 6.1.1 Sản phẩm ống thép đen (tròn đen, vuông, chữ nhật)

- Ống thép đen tròn (đường kính từ  $\varnothing 12,7$  mm đến  $\varnothing 113,5$  mm) và vuông, chữ nhật.

Hiện nay, VG PIPE sản xuất gần 200 chủng loại ống thép đen theo tiêu chuẩn tiêu chuẩn Mỹ ASTM A53 A, tiêu chuẩn Anh BS 1387 – 1985, Hàn Quốc KS D 3568-1986 có chất lượng cao, đáp ứng được hầu hết các nhu cầu sử dụng dòng sản phẩm này trong dân dụng và trong công nghiệp đặc biệt là trong ngành công nghiệp xây lắp ngày một phát triển cho các khách hàng tại Việt Nam và trong khu vực. Dài sản phẩm với ống thép tròn đen là từ  $\varnothing 12,7$  mm đến  $\varnothing 113,5$  mm; với ống vuông là từ  $\square 12 \times 12$  mm đến  $\square 90 \times 90$  mm; với ống chữ nhật là từ  $\square 13 \times 26$  mm đến  $\square 60 \times 120$  mm, độ dày các loại sản phẩm từ 0,6 mm đến 5,0 mm.





• Ống thép đen tròn cỡ lớn chịu áp lực cao (đường kính từ  $\varnothing 114,3$  mm đến  $\varnothing 219,1$  mm)

Được sản xuất với công nghệ hiện đại từ Hoa Kỳ nên sản phẩm ống thép đen cỡ lớn của VG PIPE có được độ ổn định mối hàn cao. Sử dụng công nghệ hàn cao tần và trung tần nên mối hàn không bị thay đổi cơ lý tính so với nguyên liệu thép đầu vào. Công nghệ này đã tạo nên sản phẩm của VG PIPE đáp ứng được những yêu cầu kỹ thuật khắt khe của các nhà thầu trong và quốc tế. Sản phẩm ống thép cỡ lớn này của Công ty có khả năng thay thế hoàn toàn thép đúc được nhập khẩu, VG PIPE có hệ thống kiểm tra áp lực đến 210 atm đảm bảo sản phẩm khi bán ra thị trường đều đạt chất lượng cao, có thể đáp ứng được ngành dẫn dầu, dẫn khí, ngành cơ khí, công nghiệp đóng tàu, các nhà máy sản xuất xi măng ...



Tỷ trọng doanh thu từ ống thép đen tròn, vuông, chữ nhật chiếm khoảng 70% so với tổng doanh thu từ sản xuất ống thép. Trong thời gian tới khả năng phát triển nhu cầu đối với sản phẩm ống thép đen sẽ không ngừng gia tăng, là cơ hội để VG PIPE tiếp tục đầu tư mở rộng ...

6.1.2 Sản phẩm ống thép mạ kẽm nhúng nóng.

Sản phẩm ống thép mạ kẽm nhúng nóng VG PIPE theo tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387-1985, với số lượng trên 30 chủng loại có đường kính ngoài từ  $\varnothing 21,2$  đến  $\varnothing 113,5$  với độ dày từ 1,6 mm đến 4,5 mm. Chủng loại sản phẩm này của Công ty có chất lượng cao nhất tại Việt Nam, đáp ứng được cho các ngành như công nghiệp đóng tàu; cấp, thoát nước; hệ thống cứu hỏa; giàn không gian ...



6.1.3 Sản phẩm thép cuộn cán nguội

Được vận hành bởi dây chuyền công nghệ hiện đại từ các nước phát triển, có khả năng sản xuất ra thép cuộn cán nguội với khổ rộng từ 480 mm đến 750 mm.

Sản phẩm của Công ty có chất lượng cao, phục vụ cho ngành sản xuất thép ống, cơ khí ô tô, xe máy, công nghiệp nội thất, công nghiệp điện lạnh ...



6.1.4 Sản phẩm Bulông ốc vít

Đây là sản phẩm sản xuất tại Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức mà Công ty có tham gia liên doanh với đối tác Đài Loan với tỷ lệ vốn góp là 38% sử dụng công nghệ thiết bị từ Nhật Bản nên có chất lượng cao, được sử dụng nhiều trong ngành điện lực, cơ khí chế tạo, lắp máy ...



Dự kiến, trong quý III/2008, Công ty sẽ cho ra thị trường các sản phẩm bu lông ốc vít với công suất 8.000 tấn/năm.

#### 6.1.5 Sản lượng dịch vụ của VG PIPE

Trong năm 2007, kết quả sản xuất kinh doanh của VG PIPE vượt xa kế hoạch đặt ra. Doanh thu năm 2007 đạt 516,2 tỷ đồng (bằng 148% so với kế hoạch). Trong 6 tháng đầu năm 2008, doanh thu đạt 551,8 tỷ đồng (bằng 55,18% so với kế hoạch).

Trong cơ cấu doanh thu của công ty, doanh thu chủ yếu là từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (chiếm trên 99%/tổng doanh thu). Doanh thu tài chính và thu nhập khác chiếm tỷ trọng hầu như không đáng kể.

**Bảng 8a: Cơ cấu doanh thu của VG PIPE năm 2007 (kỳ kế toán đầu tiên)  
(Hợp nhất)**

(Thời gian hoạt động năm 2007: 11 tháng kể từ ngày 31/01/2007 đến 31/12/2007)

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	%/tổng doanh thu	6 tháng đầu năm 2008	%/tổng doanh thu
<b>I</b>	<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>513.450.561.299</b>	<b>99,466%</b>	<b>551.340.617.292</b>	<b>99,910%</b>
<b>II</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.422.440.670</b>	<b>0,276%</b>	<b>90.911.774</b>	<b>0,016%</b>
1	Tiền bồi hoàn cháy nổ	303.099.033		-	
2	Tiền bán thanh lý TSCĐ	35.000.000		54.285.715	
3	Tiền thu hỗ trợ GPMB	79.804.003		-	
4	Tiền phạt vi phạm Hợp đồng	93.000.000		36.526.656	
5	Tiền thu hồi trong sản xuất	876.225.232		-	

6	Tiền thu khác	35.312.402		99.403	
<b>III</b>	<b>Doanh thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>1.332.354.333</b>	<b>0,258%</b>	<b>408.179.893</b>	<b>0,074%</b>
<b>IV</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>516.205.356.302</b>	<b>100%</b>	<b>551.839.708.959</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập

**Bảng 8b: Cơ cấu doanh thu của VG PIPE năm 2007 (kỳ kế toán đầu tiên)**  
(Công ty mẹ)

(Thời gian hoạt động năm 2007: 11 tháng kể từ ngày 31/01/2007 đến 31/12/2007)

Đơn vị tính: VND

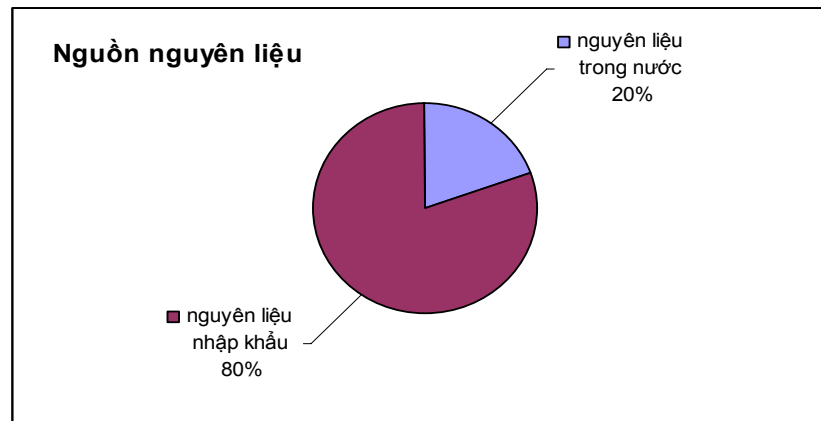
STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	%/tổng doanh thu	6 tháng đầu năm 2008	%/tổng doanh thu
<b>I</b>	<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>513.450.561.299</b>	<b>99,466%</b>	<b>562.488.376.942</b>	<b>99,912%</b>
<b>II</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.422.440.670</b>	<b>0,276%</b>	<b>90.910.568</b>	<b>0,016%</b>
1	Tiền bồi hoàn cháy nổ	303.099.033		-	
2	Tiền bán thanh lý TSCĐ	35.000.000		54.285.715	
3	Tiền thu hỗ trợ GPMB	79.804.003		-	
4	Tiền phạt vi phạm Hợp đồng	93.000.000		36.526.656	
5	Tiền thu hồi trong sản xuất	876.225.232		-	
6	Tiền thu hồi do CL công nợ	35.312.402		98.197	
<b>III</b>	<b>Doanh thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>1.332.354.333</b>	<b>0,258%</b>	<b>402.663.974</b>	<b>0,072%</b>
<b>IV</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>516.205.356.302</b>	<b>100%</b>	<b>562.981.951.484</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC năm 2007 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập

## 6.2 Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu đầu vào của VG PIPE chủ yếu là thép cuộn cán nóng, cán nguội, chiếm 96% cơ cấu giá thành sản xuất.

80% nguyên liệu đầu vào cho công ty nhập khẩu từ Trung Quốc, Nga, Ukraina, Nam Phi, Hàn Quốc... 20% còn lại được mua từ các công ty sản xuất tôn cán nguội trong nước.



(Nguồn: VGPIPE)

Việc nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài (đặc biệt với tôn cuộn cán nguội), chủ yếu là Trung Quốc có tính ổn định không cao cả về yếu tố giá lẫn tập quán kinh doanh, do vậy phần nào ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất của Công ty. Tại các thị trường khác như Nga, Ukraina, Nam Phi, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan ..., có giá cả ổn định hơn nhưng thường cao hơn hàng của Trung Quốc từ 20-50 USD/tấn. Chất lượng nguyên liệu từ các nước này thường ổn định và cao hơn Trung Quốc, VG PIPE sẽ cân nhắc nguồn nhập nguyên liệu cho phù hợp với yêu cầu về chất lượng đối với từng nhóm sản phẩm hay khách hàng. Với nguồn nguyên liệu cán nóng thì tính ổn định cao hơn so với cán nguội, do các nhà máy sản xuất tôn cuộn cán nóng có quy mô lớn (công suất hàng triệu tấn/năm) tại các nước kể trên. VG PIPE hầu như không gặp khó khăn trong việc nhập khẩu nguồn cán nóng này. Đây cũng là tiền đề tốt cho hoạt động của nhà máy sản xuất tôn cán nguội của Công ty trong thời gian tới.

Để nâng cao tính chủ động trong khâu mua nguyên liệu đầu vào, VG PIPE đã đề ra những biện pháp khắc phục trong ngắn hạn và dài hạn, cụ thể như sau:

- Thường xuyên tổ chức các đoàn công tác nước ngoài nhằm đánh giá, nhận định thật chính xác về năng lực cung cấp, chất lượng sản phẩm cũng như các yếu tố môi trường như địa lý, tập quán thương mại... Đến nay, VGPIPE đã thiết lập được quan hệ nhập khẩu một cách vững chắc với nhiều đối tác có uy tín như: Baosteel Corp. (Trung Quốc), Daewoo International Corp. (Hàn Quốc), Beijing Huaruichengfa Metallurgical Resources Company (Trung Quốc), SMI (Đức), Steelco (Hong Kông), Novo (Hong Kông) Tianjin No. 1 Steel rolling Co., Ltd (Trung Quốc), CMC Corp. (Thụy Sĩ), Stemcor (Anh) ...
- Chủ động về nguồn tài chính: Giá tôn nguyên liệu luôn biến động, VGPIPE phân tích nhận định tính chu kỳ biến động giá và dự phòng tài chính để phục vụ cho hoạt động

mua nguyên liệu. Công ty đang duy trì mối quan hệ tín dụng với các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam, không có khoản vay nào phải gia hạn. Ngoài nguồn vốn kinh doanh là 70 tỷ đồng, VG PIPE còn có tổng hạn mức tín dụng với các ngân hàng là 260 tỷ đồng, điều này đã góp phần giúp doanh nghiệp đảm bảo chủ động trong việc mua nguyên liệu, tận dụng thời cơ khi giá thấp, giảm giá thành đầu vào và tăng lợi nhuận cho Công ty.

- Nhận thức rõ ràng được tính phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nước ngoài của các đơn vị sản xuất ống thép trong nước, cuối năm 2007 VG PIPE đã hoàn thành nghiên cứu khả thi, tìm kiếm nguồn tài trợ và thực hiện dự án xây dựng Công ty thép Việt Đức với công suất 120.000 tấn/năm sản xuất băng thép cán nguội chất lượng cao một phần cung cấp cho VG PIPE, phần còn lại bán cho các doanh nghiệp sản xuất ống thép khác và xuất khẩu. Sau khi dự án này đi vào hoạt động, chắc chắn năng lực cạnh tranh của VG PIPE sẽ nâng lên, độ trễ từ khi ký hợp đồng mua nguyên liệu đến khi nguyên liệu về đến Công ty sẽ giảm từ 3 tháng xuống khoảng 20 ngày, đồng thời cơ cấu tồn kho thành phẩm sẽ được tối ưu hoá, giảm chi phí lãi vay, nâng cao lợi nhuận cho toàn công ty.

### 6.3 Chi phí sản xuất

**Bảng 9a: Tỷ trọng chi phí so với doanh thu thuần năm 2007  
và 6 tháng đầu năm 2008 (Hợp nhất)**

(Thời gian hoạt động năm 2007: 11 tháng kể từ ngày 31/01/2007 đến 31/12/2007)

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	%/Doanh thu thuần	6 tháng đầu năm 2008	%/Doanh thu thuần
<b>I</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>513.450.561.299</b>		<b>551.340.617.292</b>	
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>499.102.218.515</b>	<b>97,21</b>	<b>531.383.396.306</b>	<b>96,38</b>
	Trong đó:				
1	Giá vốn hàng bán	474.184.073.919	92,35	499.617.663.543	90,61
2	Chi phí bán hàng	11.065.146.589	2,16	14.935.426.971	2,71
3	Chi phí quản lý DN	5.139.854.256	1,00	4.389.026.115	0,80
4	Chi phí hoạt động tài chính	8.605.372.648	1,68	12.169.213.569	2,21
5	Chi phí khác	107.771.103	0,02	272.066.108	0,05

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập

**Bảng 9b: Tỷ trọng chi phí so với doanh thu thuần năm 2007  
và 6 tháng đầu năm 2008 (Công ty mẹ)**

*(Thời gian hoạt động năm 2007: 11 tháng kể từ ngày 31/01/2007 đến 31/12/2007)*

*Đơn vị tính: VND*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	%/Doanh thu thuần	6 tháng đầu năm 2008	%/Doanh thu thuần
<b>I</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>513.450.561.299</b>		<b>562.488.376.942</b>	
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>499.102.218.515</b>	<b>97,21</b>	<b>542.699.974.628</b>	<b>96,48</b>
	Trong đó:				
1	Giá vốn hàng bán	474.184.073.919	92,35	511.011.948.402	90,85
2	Chi phí bán hàng	11.065.146.589	2,16	14.907.121.438	2,65
3	Chi phí quản lý DN	5.139.854.256	1,00	4.350.620.431	0,77
4	Chi phí hoạt động tài chính	8.605.372.648	1,68	12.158.218.271	2,16
5	Chi phí khác	107.771.103	0,02	272.066.086	0,05

*Nguồn: BCTC năm 2007 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập*

**Bảng 13: Chỉ tiêu tiêu hao chính trong sản xuất hàng năm**

Chỉ tiêu	Năm 2007	6 tháng đầu năm 2008
Tiêu hao tôn cuộn (kg/tấn sản phẩm)	1.040	1.020
Tiêu hao kẽm (kg/tấn sản phẩm)	100	98
Tiêu hao điện (Kwh/tấn sản phẩm)	68	70

*(Nguồn: VG PIPE)*

Mức tiêu hao của VG PIPE ở mức hợp lý so với các đơn vị sản xuất trong ngành ống thép khác và có xu hướng giảm dần. Nhằm quản lý tiêu hao nhiên liệu, VGPIPE ứng dụng một dây chuyền sản xuất hiện đại, áp dụng các biện pháp quản trị chỉ tiêu tiêu hao thực hiện giám sát các định mức tiêu hao nguyên liệu thống nhất từ các cán bộ lãnh đạo đến công nhân các phân xưởng. Chính vì vậy, mức tiêu hao của các chỉ tiêu Quý II/2008 giảm hơn năm 2007 một cách rõ rệt.

- Áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý: bao gồm (1) siết chặt kỷ luật và nội quy làm việc; (2) khoán giao các chỉ tiêu tiêu hao và có quy định thưởng phạt, tiến hành khoán lương cho từng bộ phận liên quan trực tiếp gắn với sản lượng sản xuất; (3) đưa ra các giải pháp tiết kiệm nguyên vật liệu trong sản xuất.
- Đưa ra các giải pháp cải tiến công nghệ: chuyển đổi cơ cấu rút ống mạ khỏi bể mạ nhằm

tăng năng suất và giảm kềm bám trong lòng cũng như trên bề mặt sản phẩm; thay đổi nguyên lý cung cấp năng lượng cho việc duy trì nóng chảy của bể kềm từ đốt dầu FO sang sử dụng khí gas, tiết kiệm giảm lớn về chi phí.

- Chủ động trong xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh: do đặc thù của ngành thép ống nên số lượng chủng loại sản phẩm là rất lớn (200 loại) nên việc xây dựng kế hoạch tồn kho nguyên liệu là quan trọng quyết định hiệu suất sử dụng của dây chuyền. Công ty đã rất chủ động trong việc nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài cũng như việc tìm kiếm thị trường cho sản phẩm đầu ra để nâng cao hiệu suất sử dụng dây chuyền.

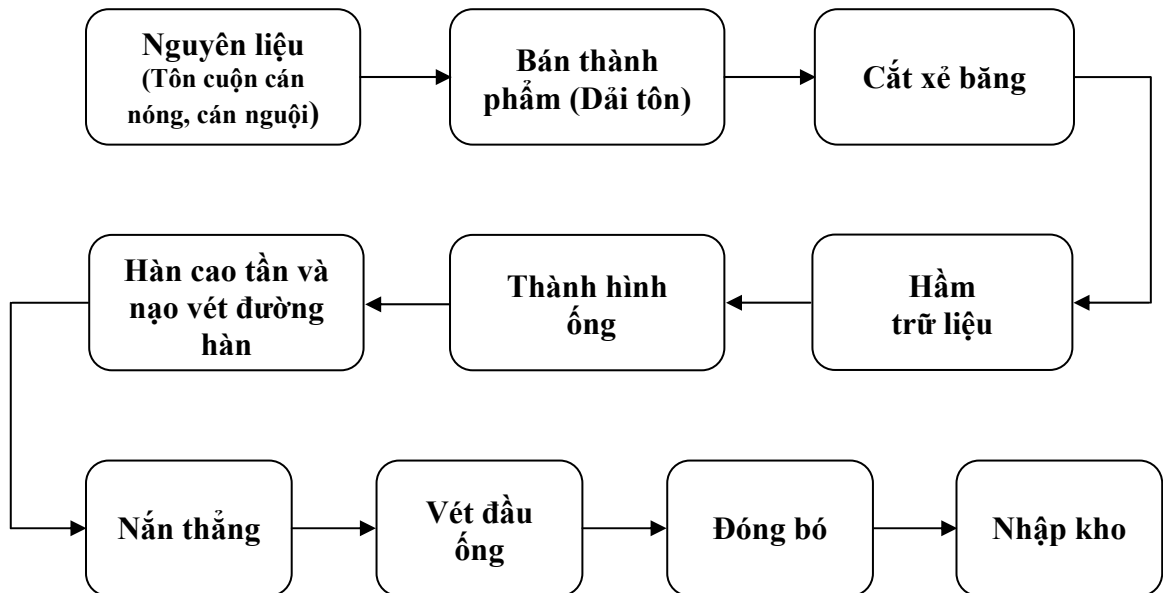
#### 6.4 Trình độ công nghệ

Hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị của VG PIPE có xuất xứ từ CHLB Đức, Đài Loan có công suất tại thời điểm tháng 5/2008 là 60.000 tấn ống thép/năm, bắt đầu hoạt động sản xuất từ tháng 06/2003. Đây là hệ thống dây chuyền mới 100%, được cập nhật những công nghệ tiên tiến nhất trên thế giới nên được đánh giá là nhà máy hiện đại bậc nhất tại Việt Nam nói riêng và trong khu vực nói chung.

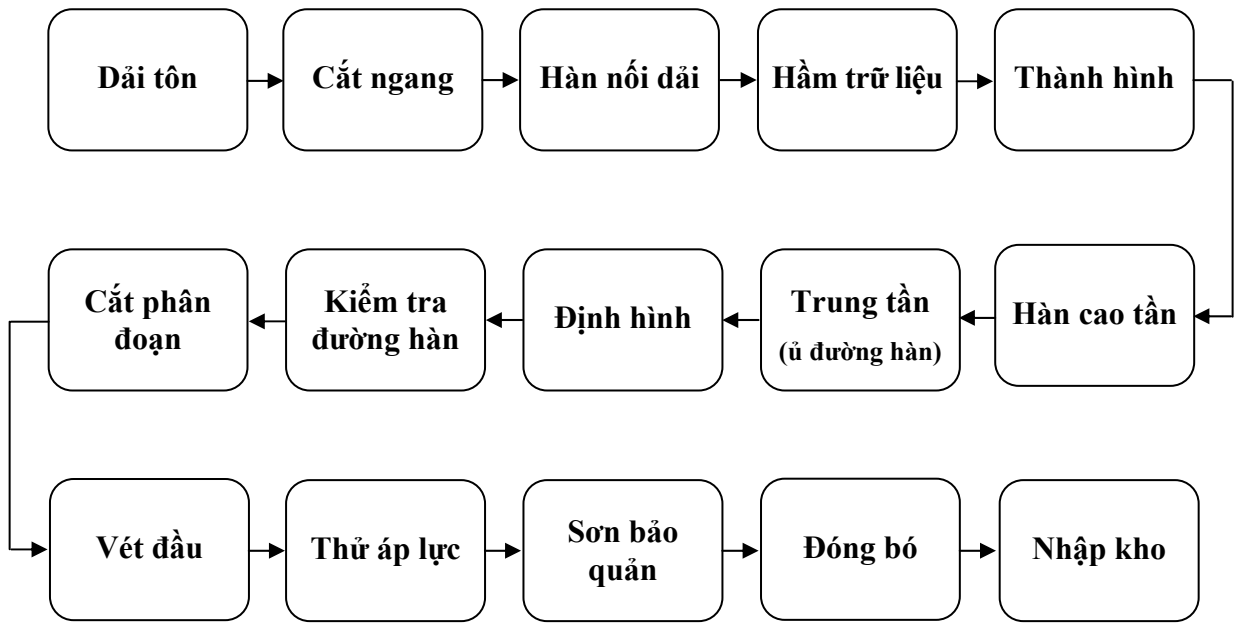
Tuy nhiên, sau khi hoàn thành nhà máy mới (Công ty CP Thép Việt Đức – VDS), tổng công suất ống thép sẽ nâng lên 180.000 tấn/năm; công suất tôn cuộn cán nguội là 120.000 tấn/năm.

##### 6.4.1 Quy trình sản xuất:

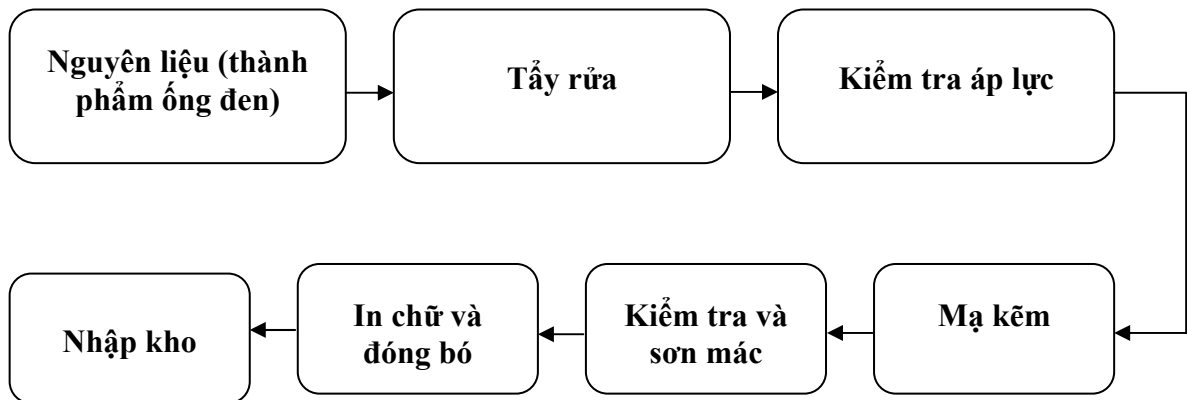
#### Quy trình sản xuất ống thép đen cỡ nhỏ



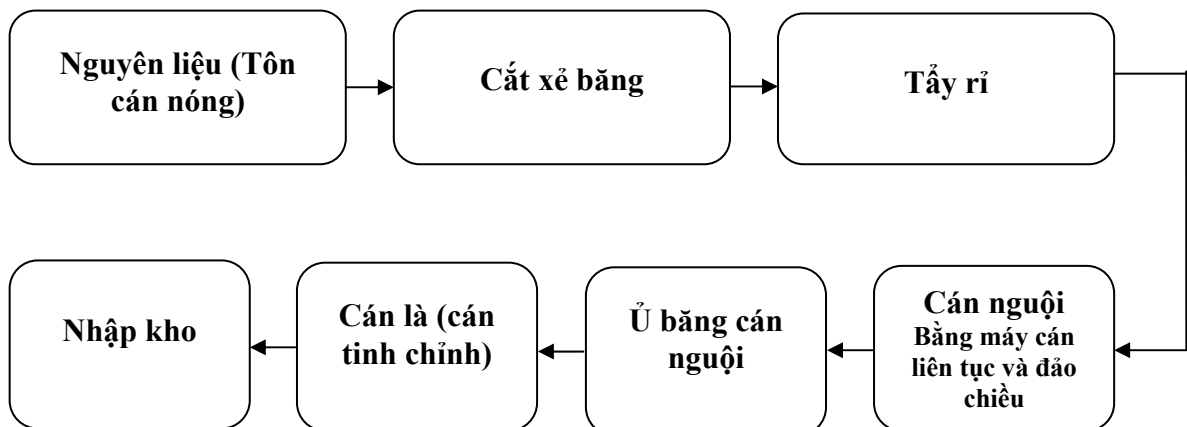
**Quy trình sản xuất ống lớn**



**Quy trình sản xuất ống thép mạ**



**Quy trình sản xuất tôn cán nguội**





## 6.4.2 Dây chuyền sản xuất

### 6.4.2.1 Dây chuyền cắt xả băng



#### Dây chuyền cắt xả băng (ảnh chụp)

Công ty đang sử dụng 03 dây chuyền xả băng nguyên liệu, có thể sử dụng được nhiều chủng loại nguyên liệu đầu vào. Sản phẩm dải tôn sau khi cắt có độ chính xác cao và đa dạng về chủng loại, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất thép ống và cả những lĩnh vực khác.

- 02 dây chuyền được sản xuất từ Đài Loan với những tính năng nổi trội như:
  - Có thể cắt xả được những cuộn tôn có trọng lượng lên tới 20 tấn.
  - Đường kính tối đa của cuộn tôn: 1.950 mm.
  - Khở rộng tôn có thể cắt được: từ 300 mm đến 1500 mm.
  - Độ dày sản phẩm cắt: từ 0,4 mm đến 5.0 mm.
  - Đường kính của trục dao cắt: 250 mm.
  - Công suất làm việc tối đa: 150.000 tấn/năm.
- 01 dây chuyền được sản xuất từ Mỹ (hãng PACIFIC): đây là dây chuyền đặc biệt hiện đại, có 2 tính năng nổi trội là: (1) Cắt pha tấm, là ép phẳng cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy kết cấu, đóng tàu, cơ khí, xây dựng ...; (2) Cắt xả băng cung cấp nguyên liệu cho cán tôn và sản xuất ống lớn chịu áp lực cao.

Một số đặc điểm kỹ thuật:

- Bản rộng tôn cuộn khi đưa vào cắt: từ 900 mm đến 1600 mm.
- Trọng lượng cuộn tôn khi đưa vào cắt: từ 5 tấn đến 30 tấn.
- Độ cuộn tôn khi đưa vào cắt: từ 1,0 mm đến 10,0 mm
- Tốc độ cắt: 40 mét/phút.

#### 6.4.2.2 Dây chuyền máy làm ống đen



**Dây chuyền máy làm ống đen (ảnh chụp)**

Hiện tại Công ty sở hữu 07 dây chuyền sản xuất ống thép đen có xuất xứ từ Đài Loan và Mỹ. Trong đó được chia thành hai phần:

- (1) 06 dây chuyền ống nhỏ: sản xuất tại Đài Loan, với công suất thiết kế là 60.000 tấn/năm. Sản xuất các sản phẩm ống thép tròn có đường kính ngoài từ 12,7 mm đến 113,5 mm theo tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387-1985 và Mỹ ASTM A53A; ống thép vuông, chữ nhật, oval có kích thước từ 12 x 12 mm đến 90 x 90 mm và 10 x 30 mm đến 60 x 120 mm theo tiêu chuẩn Hàn Quốc KS D3568-1986. Độ dày của sản phẩm từ 0,6 mm đến 4,5 mm.

Với hệ thống thiết bị tự động như máy hàn cao tần sử dụng công nghệ hàn điện tử làm cho mối hàn ngấu, đều, ổn định ... với tiêu hao điện năng ở mức thấp.

Hệ thống máy cắt ống tự động được điều khiển bởi hệ NC (Numerical Control) nên đảm bảo độ dài sản phẩm bất kỳ với độ chính xác cao.

Hệ thống khuôn được chế tạo từ thép chất lượng cao đảm bảo tuổi thọ tốt, sản phẩm đồng đều, độ bóng cao.

- (2) 01 dây chuyền của hãng **PACIFIC và THERMATOL (Mỹ)** sản xuất thép ống cỡ lớn chịu áp lực cao, đây là dây chuyền hiện đại nhất trong khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng, được lắp đặt liên hoàn từ khâu uốn, cắt, khoà đầu, thử áp lực...

Các sản phẩm là thép ống tròn đường kính ngoài từ 114,3 mm đến 219,1 mm; thép ống vuông có kích thước từ 80 mm x 80 mm đến 175 mm x 175 mm và thép ống chữ nhật có kích thước từ 60 mm x 100 mm đến 150 mm x 200 mm. Độ dày của sản phẩm từ 3.0 mm đến 8.7 mm, độ dài sản phẩm từ 4 mét đến 12 mét.

Khác biệt nổi trội của dây chuyền này so với các đơn vị khác trong nước cũng như khu vực là ngoài máy hàn cao tần còn gồm có máy hàn trung tần có công suất 500 kw, do

vậy đảm bảo được cơ tính vật liệu phân hàn được trở về trạng thái ban đầu, hoàn toàn thay thế được thép ống đúc.

Ngoài ra, với hệ thống thử áp lực cao lên tới 210 atm, sản phẩm sản xuất ra phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM A53, API 5L, JIS G 3466 phục vụ được yêu cầu cao của ngành dầu khí, công nghiệp đóng tàu ...



**Dây chuyền máy làm ống đen(ảnh chụp)**

#### 6.4.2.3 Dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng

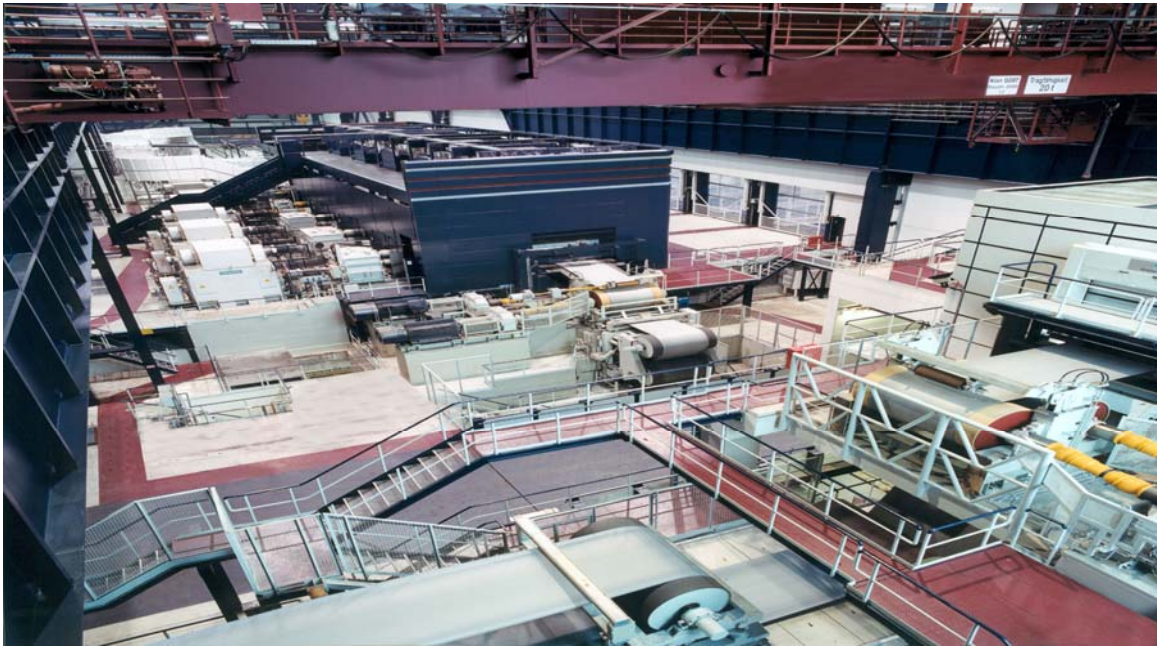
Đây là dây chuyền do hãng Loeco – Cộng hoà Liên bang Đức sản xuất và lắp đặt chuyên giao nên có thể nói đây là dây chuyền hiện đại nhất so với các đơn vị sản xuất khác trong ngành.

Với hệ thống các bể xử lý ống trước khi mạ phù hợp, nhiệt độ bể kẽm ổn định do hệ thống đầu đốt dùng từ Gas. Dây chuyền này tiết kiệm nhiên liệu cao, thân thiện với môi trường, và hoàn toàn không chế được độ dày lớp kẽm bám trên thành ống.

Thiết bị tự động hoàn toàn từ khâu cấp ống vào cho đến sản phẩm đầu ra đảm bảo công suất ổn định 20.000 tấn/năm.

Chúng loại sản phẩm có đường kính ngoài từ 21,2mm đến 113,5mm, độ dày từ 1,6mm đến 4,5mm, chiều dài từ 5mét đến 6,4mét, chiều dày lớp kẽm từ 40 đến 100 micromét. Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn Anh quốc BS 1387 – 1985.

Độ ổn định của dây chuyền là rất cao, tỷ lệ phế phẩm chỉ 0,08%. Ngoài ra, dây chuyền còn có hệ thống hút bụi kẽm, phế thải hiện đại nên giảm được nhiều chi phí sản xuất.

**6.4.2.4 Dây chuyền sản xuất tôn cán nguội**

**Dây chuyền sản xuất tôn cán nguội**

Được đầu tư đồng bộ từ công đoạn tẩy gỉ , máy cán liên tục (4 giá cán), máy cán đảo chiều cho đến hệ thống lò ủ tôn.

Công suất của dây chuyền là 120.000 tấn/năm.

Tốc độ làm việc tối đa: 300 mét/phút.

Sản xuất ra các sản phẩm tôn cuộn cán nguội có khổ rộng từ 480 mm đến 750 mm, độ dày từ 0,3 mm đến 2,5 mm, trọng lượng cuộn đến 8 tấn, đường kính cuộn đến 1.500 mm.

Dây chuyền sử dụng hệ thống điều chỉnh lực ép bằng thủy lực tạo áp lực cân bằng và ổn định, thay trục cán bằng cơ cấu điều khiển thủy lực nên thời gian rất nhanh và độ chính xác rất cao.

Kết cấu giá cán cuối của máy cán liên tục có cấu tạo đặc biệt với 6 trục cán (các đơn vị khác tại Việt Nam chỉ có tối đa là 4 trục), do đó tạo ra sự ổn định cao cho độ dày của sản phẩm.

Hệ thống lò ủ tôn được lựa chọn công nghệ kỹ càng: sử dụng lò ủ theo kiểu chụp chuông và sử dụng khí Gas. Dây chuyền có khả năng sản xuất ra 2 loại sản phẩm là tôn cán nguội mặt đen và tôn mặt trắng có chất lượng rất cao và ổn định.

Với những đặc điểm nổi bật và riêng khác nêu trên, Công ty có thể cho ra thị trường các sản phẩm có đường kính cuộn lớn đến 1.500 mm, chất lượng ổn định, độ bóng bề mặt cao. Sản phẩm được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như:

- Sản xuất thép ống;
- Chế tạo ô tô, xe máy;
- Kỹ thuật điện;
- Dụng cụ gia đình, nội thất văn phòng;

...

#### 6.4.2.5 Công tác nghiên cứu sản phẩm mới

Đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật của Công ty có tuổi đời trẻ song có trình độ chuyên môn cao, có sự nhiệt tình hăng say học hỏi, nghiên cứu. Đồng thời, Công ty cũng luôn có những khoá học ngắn và trung hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, áp dụng những công nghệ mới vào sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Công ty thành lập nhóm nghiên cứu sản phẩm mới nằm trong phòng Kinh doanh, gồm các nhân viên thị trường, thường xuyên bám sát nhu cầu hiện có của thị trường và nhu cầu tiềm năng trong tương lai. Song, do thép ống là ngành hàng đặc thù, các sản phẩm được sản xuất theo các bộ tiêu chuẩn đã định sẵn kích cỡ như tiêu chuẩn Anh quốc BS 1387-1985; Mỹ ASTM A53, API 5L; Hàn Quốc KSD 3568-1986... nên việc đưa ra sản xuất các sản phẩm mới phải tính toán một cách kỹ lưỡng.

Sau quá trình nghiên cứu, nhóm đã đưa ra kế hoạch sản xuất sản phẩm duy nhất tại Việt Nam là ống dạng hình thang hoa, ứng dụng vào mục đích trang trí nội thất. Đây là sản phẩm nổi bật của VG PIPE mà các nhà máy khác chưa có. Bước đầu sản phẩm này đã được thị trường chấp nhận, nâng cao lợi thế cạnh tranh của VG PIPE trên thị trường.

Công ty đã đầu tư sản xuất sản phẩm mới duy nhất tại Việt Nam là ống dạng hình thang hoa, ứng dụng vào mục đích trang trí nội thất. Đây là sản phẩm nổi bật của VG PIPE mà các nhà máy khác chưa có.

Để chủ động nguồn nguyên liệu chính cho sản xuất và phát triển bền vững của Công ty cũng như làm chủ được thị trường trong giai đoạn hội nhập, khi Việt Nam gia nhập WTO, VG PIPE chuẩn bị hoàn thành (tháng 6/2008) Công ty thép Việt Đức sản xuất bằng thép cán nguội khổ trung công suất 120.000 tấn/năm.

#### 6.5 Công tác quản lý chất lượng sản phẩm

Đối với sản phẩm thép ống thì chất lượng của sản phẩm gắn liền với sự tồn tại của công trình, vì vậy việc kiểm tra chất lượng sản phẩm là tối quan trọng.

Với khẩu hiệu “**Ống thép Việt Đức - Đẳng cấp châu Âu**”, Công ty luôn coi chất lượng là tiêu chí quan trọng nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, Công ty tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế. VG PIPE chủ động giám sát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào, trong quá trình sản xuất, sản phẩm đầu ra và sau bán hàng, được vận hành theo hệ thống quản lý ISO 9001: 2000 do tổ chức đánh giá hàng đầu thế giới của Nauy là Det Noske Veritas thẩm định và trao vào ngày 10/12/2003.

Công ty có các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế có thể kiểm định chất lượng sản phẩm với độ chính xác cao. Sản phẩm ống thép Việt Đức đã được các đơn vị kiểm định chất lượng có uy tín như Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng (IBST), Tổng Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng (QUATEST 1) kiểm định và chứng nhận sản phẩm ống thép Việt Đức đạt tiêu chuẩn Anh quốc BS 1387-1985; Hàn Quốc KSD 3568-1986; Mỹ ASTM A 53 ....

**Bảng 10: Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm ống thép:**

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Người có trách nhiệm</b>	<b>Tỷ lệ/tần suất kiểm tra</b>
Kiểm tra tôn nguyên liệu khi nhập kho	Thủ kho, bộ phận kỹ thuật, Phòng Quản lý SX	100%
Kiểm tra hoá chất khi nhập kho	Thủ kho, bộ phận kỹ thuật, Phòng Quản lý SX	100%
Kiểm tra thiết bị, vật tư, phụ tùng	Thủ kho, Phòng QLSX	100%
Kiểm tra tôn cuộn trước khi đưa vào cắt	Trưởng máy cắt	100% các cuộn tôn
Kiểm tra các dải tôn trong quy trình cắt	Trưởng máy cắt	100% các dải tôn, mỗi dải ở 3 vị trí là đầu, giữa và cuối.
Kiểm tra dải tôn trước khi đưa vào máy uốn	Thợ hàn nối dải	Mỗi dải một lần trước khi cầu vào máy
Kiểm tra ống đen hình tròn, vuông, chữ nhật sau uốn	Trưởng máy và phụ máy	1 giờ/1 lần
Kiểm tra ống sau khi cắt	Thợ vận hành máy cưa và trưởng máy uốn	1 giờ/1 lần
Kiểm tra ống sau khi vét đầu	Thợ vận hành máy vét	1 giờ/1 lần
Kiểm tra ống sau khi thử áp lực	Thợ vận hành máy thử áp lực	1 cây/1 lần
Kiểm tra ống sau khi bó vét	Thợ đóng bó ống	100% bó ống

(Nguồn: VG PIPE)

### **6.6 Hoạt động Marketing**

Thị trường tiêu thụ các sản phẩm thép ống của VG PIPE được chia thành hai mảng chính là: thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu.

Đối với thị trường nội địa: sau một thời gian phát triển và sàng lọc, hiện nay Công ty đã thiết lập được hệ thống phân phối rộng khắp trên toàn quốc với khoảng 50 đại lý cấp I và hơn 100 đại lý cấp II tại Hà Nội, Hà Tây, Bắc Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Bình, Huế, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ .... Ngoài ra, Công ty bán hàng trực tiếp đến khối các khách hàng dự án, công trình lớn của quốc gia. VG PIPE có lợi thế về bề dày kinh nghiệm trong ngành thép, cùng với sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế nên sản phẩm ống thép Việt Đức đã được sử dụng rất nhiều tại các công trình trọng điểm quốc gia.

Để các hoạt động kinh doanh có hiệu quả, Công ty sử dụng linh hoạt chiến lược Marketing Mix nhằm hỗ trợ và thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm đồng thời xác lập và khẳng định thương hiệu VG PIPE là cánh chim đầu đàn trong ngành sản xuất thép ống

Việt Nam. Chiến lược Marketing được triển khai như sau:

#### 6.6.1 Chiến lược sản phẩm

Công ty hướng sản xuất của mình vào các sản phẩm chất lượng cao, có nhu cầu tiêu thụ lớn. Ngoài ra, chính sách cá biệt hoá sản phẩm theo nhu cầu khách hàng đã phát huy hiệu quả, thu hút các khách hàng dự án cả trong nước lẫn xuất khẩu.

##### Sản phẩm ống thép hàn đen

- Với các sản phẩm có đường kính ngoài từ 12,7 mm đến 113,5 mm.

Đây là những chủng loại sản phẩm phổ biến tại thị trường Việt Nam, được ứng dụng trong rất nhiều mục đích như cơ khí, xây dựng, lắp đặt, trang trí nội ngoại thất, cấp thoát nước ... Do vậy với thị trường nội địa, Công ty sẽ đáp ứng mọi nhu cầu về chủng loại sản phẩm cả với thị trường dân dụng lẫn thị trường dự án với khoảng 150 chủng loại, độ dày từ 0,6 mm đến 5,0 mm.

- Với sản phẩm đường kính ngoài từ 113,5 mm đến 219,1 mm

Như đã đề cập ở trên, đây là sản phẩm riêng có đặc biệt của Công ty, là cơ sở tạo sự khác biệt với các đơn vị khác trong cả nước.

Nếu như các sản phẩm đường kính ngoài dưới 113,5 mm được ứng dụng trong cả thị trường dân dụng và dự án thì dòng sản phẩm ống cỡ lớn đến 219,1 mm được sử dụng chủ yếu trong thị trường dự án cả trong nội địa lẫn xuất khẩu.

Ngoài tiêu chuẩn cơ bản, Công ty sẽ sản xuất các chủng loại sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng cho phù hợp với khẩu độ của từng dự án. Ngoài ra, với các sản phẩm hướng tới xuất khẩu, Công ty sẽ tiến hành sơn phủ bề mặt bằng lớp dầu bảo quản đặc biệt (varnish coating) nhằm đáp ứng được điều kiện vận tải bằng đường biển.

##### Sản phẩm ống thép mạ kẽm nhúng nóng:

Khác với sản phẩm ống thép đen, ống thép mạ kẽm nhúng nóng có dải đường kính ngoài từ 21,2 mm đến 113,5 mm theo tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387-1985 và tiêu chuẩn Mỹ ASTM A53 A.

Sản phẩm ống thép mạ kẽm nhúng nóng, do nhu cầu thị trường được chia thành 2 phân khúc rõ ràng:

- Thị trường dân dụng nội địa: được sử dụng với mục đích cơ khí, dẫn nước do vậy độ dày của sản phẩm chủ yếu là các loại 1,6 mm, 1,9 mm và các loại A1 theo tiêu chuẩn BS 1387-1985 (dày nhất tới 3,2 mm)
- Thị trường dự án nội địa: ứng dụng trong nhiều ngành như kết cấu chịu lực, cấp nước, hệ thống cứu hoả, xây lắp công nghiệp ... do vậy đòi hỏi độ dày thông thường từ BS Light trở lên (dày nhất tới 4,5 mm).
- Thị trường xuất khẩu: được sử dụng nhiều trong kết cấu giàn giáo, dẫn nước, dẫn gas. Các sản phẩm có độ dày từ BS A1 trở lên. Sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Mỹ và Châu Âu thường theo tiêu chuẩn BS 1387-1985 và ASTM A53, do vậy chiều dài của sản phẩm có khác so với thị trường nội địa: 18 feet, 21 feet và 24 feet. Hiện nay, Công ty có khả năng sản xuất 2 độ dài 18' và 21', trong thời gian

tới Công ty sẽ cải tiến công nghệ bể mạ kẽm để sản xuất các sản phẩm dài 24' (chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các loại độ dài cho thị trường xuất khẩu).

Tổng cộng các khu vực thị trường, số lượng chủng loại sản phẩm khoảng 50 loại. Tuy nhiên, do đây là dòng sản phẩm có tầm ảnh hưởng tới thương hiệu của các nhà máy là rất lớn (cả nước chỉ có 5 đơn vị sản xuất ống thép mạ kẽm) nên Công ty sẽ hạn chế tối đa việc gia tăng chủng loại sản phẩm theo hướng “mỏng hoá”.

#### Sản phẩm tôn cán nguội

Sản phẩm là tôn cán nguội khổ rộng từ 480 mm đến 750 mm, được sản xuất theo các tiêu chuẩn của Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Việt Nam. Các sản phẩm có độ dày từ 0,3 mm đến 2,5 mm với số lượng khoảng 15 chủng loại độ dày, phục vụ cho ngành sản xuất ống thép; công nghiệp ô tô, xe máy; sản xuất nội - ngoại thất; công nghiệp điện lạnh ...

Với công suất 120.000 tấn/năm và dây chuyền công nghệ hiện đại thế hệ 2007, Công ty được đánh giá là đơn vị có năng lực sản xuất tôn cán nguội khổ trung với chất lượng cao hàng đầu tại Việt Nam.

Ngoài việc chia sản phẩm theo các khổ rộng, Công ty hiện sản xuất 2 chủng loại là tôn cán nguội mặt đen và tôn cán nguội mặt trắng.

Với tôn cán nguội mặt đen (chiếm 75% cơ cấu sản phẩm), được sử dụng nhiều trong ngành sản xuất thép ống và gia công cơ khí là dòng sản phẩm mà hiện nay các doanh nghiệp hầu hết phải nhập khẩu từ nước ngoài với chất lượng không cao và độ ổn định thấp.

Với tôn cán nguội mặt trắng (chiếm 25% cơ cấu sản phẩm), được ứng dụng trong ngành sản xuất sản phẩm nội - ngoại thất, công nghiệp điện lạnh, công nghiệp ô tô xe máy ... nên đòi hỏi về chất lượng là rất cao.

#### 6.6.2 Chiến lược về giá

##### • **Ống thép cỡ nhỏ**

Trên thị trường thép ống tại Việt Nam, VG PIPE xây dựng giá bán ở mức trung bình, là một trong bốn đơn vị có uy tín nhất trong việc đảm bảo giá thành. Mặc dù chính sách này có những thời điểm làm giảm tính cạnh tranh, song về lâu dài đó là một tiêu chí khẳng định thương hiệu của Công ty, xác lập vị thế của mình trên thị trường.

Trong thời gian tới, với những dự báo của các chuyên gia, việc linh hoạt trong các quyết định xây dựng giá bán có tính chất rất quan trọng vì thị trường thép gần đây biến động mạnh. Tùy theo tình hình thị trường và năng lực sản xuất của Công ty theo từng thời điểm (thường là 1 tháng) mà xây dựng các mức giá bán hợp lý, nhưng nhìn chung dựa trên các cơ sở sau:

- Sản lượng bán hàng;
- Khu vực địa lý của thị trường;
- Đặc điểm khách hàng (dân dụng – dự án; dự án trọng điểm ...);
- Năng lực sản xuất;
- Tính mùa vụ ...



*Thị trường dân dụng:* áp dụng khung giá kín, dựa trên bảng giá niêm yết của Công ty, xây dựng mức chiết khấu cho các hạng đại lý khác nhau. Ngoài ra, với một số đại lý cấp I có sản lượng tiêu thụ tốt, khả năng thanh toán cao, sẽ xây dựng chính sách khuyến khích sản lượng với phương pháp bậc thang.

*Thị trường dự án:* áp dụng khung giá mở và thấp hơn 50đ/kg-100đ/kg, tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể (quy mô dự án, tính trọng điểm, nguồn vốn đầu tư, khả năng thanh toán...) để lựa chọn mức giá dựa vào chỉ tiêu giá thành sản phẩm.

*Với sản phẩm ống thép đen:* khác với những năm trước đây, giá bán sẽ được xây dựng ngang bằng mức trung bình của thị trường. Hiện nay, tại riêng thị trường miền bắc đã có trên 25 đơn vị sản xuất ống thép đen với quy mô và chất lượng khác nhau, trong đó năng lực sản xuất lớn là các đơn vị như Hoà Phát, Việt – Đức, VINAPIPE... Tuy nhiên, do tính cạnh tranh của thị trường trong nước ngày càng khốc liệt nên khách hàng dần dần chọn yếu tố giá cả làm cơ sở chính cho lựa chọn mua hàng của mình. Vì vậy, VG PIPE xây dựng mức giá bán như sau:

- Ngang bằng mức trung bình của các nhà máy lớn, nhỏ khác;
- Một số chủng loại riêng có của VG PIPE như Ø101,6 mm hoặc ít đơn vị có như □50mm x 100mm sẽ xây dựng giá bán cao hơn các chủng loại khác từ 200đồng/kg đến 300 đồng/kg.
- Đối với các thị trường miền Nam và miền Trung, VG PIPE cũng xây dựng mức giá theo giá trung bình của thị trường từng khu vực.
- Ngoài ra, với những thời điểm hàng bán chậm hoặc giải phóng hàng tồn kho lâu ngày, VG PIPE sẽ xây dựng mức giá bán hợp lý mang tính ngắn hạn nhằm thúc đẩy bán hàng.

*Với sản phẩm ống thép mạ kẽm:* tại thị trường Việt Nam hiện chỉ có 5 nhà sản xuất đang hoạt động, do vậy việc xây dựng mức giá bán dễ dàng hơn ống đen. VG PIPE là đơn vị ra đời sau cùng nên có công nghệ sản xuất hiện đại hơn, chi phí sản xuất thấp hơn, việc xác định giá bán như sau:

- Thị trường dân dụng nội địa: thấp hơn từ 50đồng/kg - 100đồng/kg so với Vinapipe và Hoà Phát tùy theo từng thời điểm.
- Thị trường dự án nội địa: thấp hơn Hoà Phát và Vinapipe từ 50đồng/kg - 100đồng/kg.
- Thị trường xuất khẩu: Công ty đang xây dựng giá CIF, CNF hoặc FOB ngang bằng hoặc thấp hơn 5 - 10USD/tấn so với các đơn vị xuất khẩu từ Trung Quốc hay các nước trong khu vực. Ngoài ra, từ ngày 01/01/2008, nằm trong kế hoạch hạn chế phát triển nóng của nền kinh tế, đồng thời hạn chế xuất khẩu các sản phẩm thô, chính phủ Trung Quốc đã ban hành thuế xuất khẩu đối với thành phẩm thép ống từ 0% lên 15%. Hơn nữa, với thị trường Mỹ (nhập khẩu lớn nhất thế giới), áp dụng mức thuế nhập khẩu đúp nhằm mục đích chống bán phá giá với các sản phẩm thép ống từ Trung Quốc. Điều này, làm giảm đáng kể tính cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu thép ống từ Trung Quốc so với Việt Nam. Đây sẽ là cơ hội để các đơn vị sản xuất thép ống có chất lượng cao ở Việt Nam như VG PIPE phát triển thị trường sang Bắc Mỹ, nâng cao thương hiệu và gia tăng lợi nhuận.

- **Ớng thép cỡ lớn**

Với thị trường nội địa, Công ty xây dựng mức giá bán cao hơn các đơn vị sản xuất khác từ 2 – 3%, mức giá này vừa đảm bảo tính hiệu quả của Công ty vừa một phần xây dựng vị thế sản phẩm, thương hiệu của VG PIPE.

Với thị trường xuất khẩu, Công ty xây dựng mức giá ngang bằng với các đơn vị xuất khẩu đặc biệt là từ Trung Quốc, nơi có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất thế giới về thép ống.

- **Tôn cán nguội**

Công ty xây dựng mức giá bán cao hơn các đơn vị trong nước từ 50 đến 100 đ/kg.

### 6.6.3 Chiến lược về phân phối

- **Với ống thép cỡ nhỏ:**

Được phân phối bởi hai kênh là: hệ thống đại lý cấp I, II và bán hàng trực tiếp.

- Với thị trường nội địa: Công ty đã xây dựng hệ thống 50 đại lý cấp I và khoảng 100 đại lý cấp II với doanh số bán hàng cao, ổn định, tăng trưởng đều qua các năm và đặc biệt có năng lực thanh toán tốt. Hệ thống các đại lý này được phân bổ trên phạm vi cả nước, do vậy đảm bảo sản phẩm thép ống của VG PIPE được tiêu thụ tại mọi vùng miền trong cả nước.

Ngoài ra, với các công trình tiêu dùng cuối cùng sản phẩm thép ống (tạm gọi là thị trường “dự án”), Công ty sẽ vừa phối hợp với các nhà phân phối vừa lựa chọn phương thức bán hàng trực tiếp tùy theo quy mô dự án, tính thanh khoản của dự án.

- Với thị trường xuất khẩu: VG PIPE đã thiết lập với quan hệ xuất khẩu trực tiếp sang các thị trường Mỹ, Canada, EU, Myanmar, Lào... Công ty chủ trương xuất khẩu trực tiếp không thông qua các đơn vị trung gian...

Với sản phẩm này, VG PIPE phát triển hài hoà cả 2 thị trường là xuất khẩu và nội địa. Nếu như tại trong nước các sản phẩm mỏng (dưới 2.0 mm) được tiêu thụ nhiều thì thị trường xuất khẩu lại tập trung nhiều vào các sản phẩm dày (2.0-4.5mm) do vậy năng suất sản xuất cao, giảm tiêu hao sản xuất... Hai thị trường này là sự bổ sung phù hợp lẫn nhau.

- **Ớng thép cỡ lớn:**

Sản phẩm sẽ được tiêu thụ qua hai kênh chủ yếu: thị trường dự án trong nước và thị trường xuất khẩu

- Thị trường trong nước: do đây là sản phẩm có tính khác biệt đối với chính sản phẩm thép ống nhỏ, vừa có chất lượng cao hơn hẳn các đơn vị sản xuất cùng ngành, nên đối tượng khách hàng trong nước chủ yếu là các dự án sử dụng cuối cùng sản phẩm như: dự án dẫn dầu, dẫn khí, đóng tàu, lắp máy, cơ khí chế tạo...
- Thị trường xuất khẩu: Như đã đề cập ở trên, từ ngày 01/01/2008, Trung Quốc đánh thuế xuất khẩu thành phẩm ống thép từ 0 – 15% và thuế chống bán phá giá của Mỹ đối với sản phẩm thép ống nhập khẩu từ Trung Quốc, do vậy bắt đầu từ cuối năm

2007 cũng như đầu năm 2008, VG PIPE đã xây dựng được mối quan hệ thương mại xuất khẩu sang nhiều thị trường lớn như Mỹ, Canada và EU cùng với những thị trường đã có trước đây là Myanmar, Lào, Indonesia...

Cũng như sản phẩm ống cỡ nhỏ, VG PIPE sẽ phát triển song song hai thị trường này.

▪ **Tôn cán nguội:**

Sản phẩm được tiêu thụ qua ba kênh: phục vụ tự thân cho sản xuất thép ống, bán nội địa, xuất khẩu:

- Sản phẩm tôn cán nguội của Công ty sẽ đáp ứng phần lớn nhu cầu nguyên liệu tôn cán nguội cho sản xuất thép ống cỡ nhỏ, phần sản lượng này chiếm khoảng 30% công suất sản xuất tôn cán nguội.
- Tiêu thụ nội địa: bán cho các doanh nghiệp sản xuất thép ống khác trong nước và các doanh nghiệp sản xuất nội - ngoại thất, công nghiệp ô tô xe máy, điện lạnh..., chiếm 40% sản lượng.
- Xuất khẩu: sản phẩm sẽ được xuất sang các nước trong khu vực như Lào, Myanmar, Campuchia, Indonesia... và Mỹ, Canada, chiếm 30% sản lượng.

Với sản phẩm này, VG PIPE tập trung mạnh vào thị trường nội địa trong đó ưu tiên phục vụ tự thân nhu cầu nguyên liệu tôn cán nguội của các dây chuyền cán ống.

#### 6.6.4 Chiến lược về tiếp thị và quảng cáo

VG PIPE luôn coi Marketing, xúc tiến bán hàng là khâu then chốt, ảnh hưởng lớn đến doanh thu của Công ty trong các năm tới, Công ty tiếp tục thực hiện công tác xúc tiến, hỗ trợ bán hàng mạnh mẽ, đặc biệt khi VG PIPE đã niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tập trung.

Giai đoạn từ 2008 đến 2010 là thời gian quyết định sự phát triển của Công ty, đối với việc lập kế hoạch quảng bá thương hiệu, sản phẩm, VG PIPE cần có kế hoạch, lộ trình và tần suất sao cho phù hợp với từng thời kỳ phát triển, dự kiến triển khai như sau:

**Bảng 11: Chiến lược về tiếp thị và quảng cáo**

STT	Tên công việc	Địa điểm/Phương thức thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Hội nghị khách hàng	Khách sạn hoặc khu nghỉ mát sang trọng	Hàng năm
2	Quảng cáo, viết bài, đưa tin	Thời báo Kinh tế Việt Nam; Đầu tư Tài chính; Đài Tiếng nói VN; Thời báo Tài chính; Lao Động; Thời báo Kinh tế Sài Gòn	Thường xuyên
3	Niêm yết bảng giá bán hàng	Sở Tài chính và Sở Xây Dựng các tỉnh, thành lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Đà Nẵng, Tp. HCM, Cần Thơ ...	Đầu mỗi quý trong năm
4	Biển Pano tấm lớn	Đường Bắc Thăng Long – Nội Bài, Hải Phòng, Thanh Hoá	Năm 2008
5	Biển Pano tấm lớn	Tp. Hồ Chí Minh	Năm 2008
6	Biển đại lý, cửa hàng	Các khách hàng trên cả nước	Thường xuyên
7	Tham gia hội chợ	Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Nước ngoài	Hàng năm (ít nhất một lần tham gia)
8	Xây dựng quỹ quà tặng cho khách hàng	Được sử dụng theo từng đợt, khi nhân viên kinh doanh đi thị trường	Thường xuyên
9	Quản trị thông tin trên Website: <a href="http://www.vgpipe.com.vn">www.vgpipe.com.vn</a>	Cập nhật thường xuyên các hoạt động, diễn biến giá cả sản phẩm; tiếp thu các ý kiến phản hồi từ khách hàng một cách nhanh nhất	Thường xuyên
10	Xây dựng “Giá để hàng mẫu”	Trung bày tại văn phòng của các đại lý cấp I trên phạm vi cả nước	Quý I + Quý II năm 2008

(Nguồn: VG PIPE)

### 6.7 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế

Logo của Công ty đã được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 53232 do Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ cấp theo Quyết định số A473/QĐ-ĐK ngày 05/03/2004.



Logo VG PIPE có màu trắng, xám, xanh dương; là loại nhãn hiệu thông thường, được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng “VG”, “PIPE”.

Ngoài ra Công ty cũng đã đăng ký tên website: <http://www.vgpipe.com.vn> và <http://www.vdsteel.com>

### 6.8 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

**Bảng 12: Một số Hợp đồng bán sản phẩm đã và đang thực hiện**

TT	Đối tác	Sản phẩm/ Dịch vụ cung cấp	Số Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (triệu đồng)	Thời gian thực hiện (năm)
1	Tập đoàn Penisolar (Myanmar)	Phân phối ống thép	MN005/2004 -1VGP-PSL	3.000	2004
2	PETSAMAY UBAXACAM FACTORY	Ống thép	01/VGP- PETSAMAY /05	5.000	2005
3	PHOUPHET EXPORT – IMPORT COMPANY	Ống thép	01/VG-PP/06	6.000	2006
4	Vientiane Steel Pipe Industrial Co.,Ltd	Tôn cán nguội	VGP- XK011107	3.000	2007
5	VKK Industrial Co., Ltd	Tôn cán nguội	VGP-VKK 171107	4.000	2007
6	Công ty TNHH MTV TM & XNK Prime	Phân phối ống thép	21/4/VG- PG/08	4.000	2007/2008
7	James Steel, Inc., (Mỹ)	Phân phối ống thép	VG- JS101122007	20.000	2008

8	Quality Steel Resources Inc., (Mỹ)	Phân phối ống thép	VG-QSR 311122007	12.000	2008
9	NOVO COMODITIES LIMITED	Tôn cán nguội	BNCL857	40.000	2008
10	KHAMHOUNG STEEL FACTORY	Ống thép	01/VGP-KHAMHOUNG/08	15.000	2008
11	ZHEJIANG GRAND IMPORT & EXPORT CO.,LTD	Ống thép	D01VG8026	40.000	2008
12	VKK Industrial Co., Ltd	Tôn cán nguội	01/VGP-VKK/08	20.000	2008
13	Soon Hong Trading CoLtd (Hàn Quốc)	Phân phối ống thép	VG-JS15052008	20.000	2008
14	Novostal Pte Limited	Phân phối ống thép	NSP213	35.000	2008
15	HONGKONG GRAND INTERNATIONAL CO.,LTD	Tôn cuộn	D01VH8002	50.000	2008
16	Great Wisdom Trading Co. (Hồng Kông)	Phân phối ống thép	2008PIPE002	20.000	2008
17	SAMSUN STEEL Co., Ltd	Ống thép	VG-SS09072008	5.000	2008
18	WSK STAHLHANDELS GMBH	Ống thép	E700100	35.000	2008
19	STEMCOR (SOUTH AFRICA) (PTY) LTD	Ống thép	E780060	10.000	2008
20	SALZGITER MANNESMANN INTERNATIONAL (Asia) PTE.LTD	Ống thép	VG-SMI20062006	20.000	2008
21	Euro Steel Products Ltd	Phân phối ống thép	VG-ST26052008	25.000	2008

22	MASTER STEEL, CORP	Ống thép	VG- JS13062008	30.000	2008
23	Công ty XD công nghiệp dân dụng Delta	Ống thép	62/VG- DT/08	15.000	2008
24	Công ty TNHH NN Một thành viên Xuân Hoà	Phân phối ống thép	56/VG- XH/08	9.000	Hàng năm
25	Công ty TNHH Thanh Phú	Phân phối ống thép	43/VG- TP/08	20.000	Hàng năm
26	Công ty TNHH TM & SX Thép Việt	Phân phối ống thép	47/VG- TV/08	70.000	Hàng năm
27	Công ty TNHH Trường Quang	Phân phối ống thép	53/VG- TQ/08	40.000	Hàng năm
28	C.ty TNHH TM & SX Thiên Phúc Lộc	Phân phối ống thép	48/VG- TPL/08	60.000	Hàng năm
29	Công ty SX TM Vĩnh Sáng	Phân phối ống thép	55/VG- VS/08	30.000	Hàng năm
30	Công ty TNHH Tâm Dung	Phân phối ống thép	36/VG- TD/08	30.000	Hàng năm
31	Công ty TNHH TM & SX Nam Tiến	Phân phối ống thép	26/VG- NT/08	20.000	Hàng năm
32	Công ty TNHH Quốc Dũng	Phân phối ống thép	69/VG- QD/08	40.000	Hàng năm
33	Công ty CP Kim khí VL xây dựng	Phân phối ống thép	20/VG- VLXD/08	40.000	Hàng năm

(Nguồn: VG PIPE)

**Bảng 13: Một số Hợp đồng mua nguyên liệu đã và đang thực hiện**

TT	Đối tác	Sản phẩm	Số Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (USD)	Giá trị quy đổi (triệu đồng)	Thời gian (năm)
1	NINGBO GRAND INTERNATIONAL TRADING CO.,LTD	Tôn cuộn	No.A01VE7047	800.000	13.200	2007
2	ROAD INTERNATIONAL CO.,LTD	Tôn cuộn	184-VG/ROAD	120.000	2.000	2007
3	STEMCOR (S.E.A) PTE.,LTD	Tôn cuộn	S205171	250.000	4.100	2007
4	BEIJING HUARUICHENGFA METALLURGICAL CO., LTD	Tôn cuộn	HMRSE-07-32	2.200.000	36.300	2007/2008
5	DAEWOO INTERNATIONAL CORPORATION	Kẽm thỏi	S205171	1.800.000	29.700	2007/2008
6	SHANG SHING STEEL INDUSTRIAL CO., LTD	Tôn cuộn	HR071219630	2.350.000	38.775	2007/2008
7	CMC S.E ASIA PRO., LTD	Tôn cuộn	7S/1099	1.100.000	18.150	2007/2008
8	CÔNG TY CP XNK MÁY VÀ PHỤ TÙNG	Tôn cuộn	1248/PT-VG	22.384.000	369.343	2007/2008
9	BAOSTEEL SINGAPORE PTE.,LTD	Tôn cuộn	BS - II4M411	700.000	11.550	2008
10	BURWILL RESOURCES LIMITED	Tôn cuộn	BW/RJF022-A1	1.800.000	29.700	2008
11	HANGZHOU COGENERATION (HONGKONG) COMPANY LIMITED	Tôn cuộn	HK-DG0802001-X	1.600.000	26.400	2008
12	HONGKONG GRAND INTERNATIONAL.Co. LTD	Tôn cuộn	No.HKR7002	860.000	14.190	2008
13	MASTER STEEL CORPORATION	Tôn cuộn	BW/RJF022-A1	250.000	4.125	2008
14	STEELCO PACIFIC TRADING LIMITED	Tôn cuộn	SPT-342/07	4.400.000	72.600	2008
15	JYH CANG CIUO IRON & STEEL CO.,LTD	Tôn cuộn	JC-071215-001	350.000	5.775	2008

(Nguồn: VG PIPE)



**7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm gần nhất**
**7.1 Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**
**Bảng 14a: Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)**

(Thời gian hoạt động năm 2007 (kỳ kế toán đầu tiên): 11 tháng kể từ ngày 31/01/2007 đến 31/12/2007)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2007	6 tháng đầu năm 2008
Tổng giá trị tài sản	308.782.817.266	502.238.362.698
Doanh thu thuần	513.450.561.299	551.340.617.292
Lợi nhuận từ HĐKD	15.788.468.220	20.637.466.987
Lợi nhuận khác	1.314.669.567	-181.154.334
Lợi nhuận trước thuế	17.103.137.787	20.456.312.653
Lợi nhuận sau thuế	15.144.928.096	18.428.114.967
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	56,66%	
Tỷ lệ cổ tức	12,3%	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.529	2.633

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập

**Bảng 14b: Kết quả hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ)**

(Thời gian hoạt động năm 2007 (kỳ kế toán đầu tiên): 11 tháng kể từ ngày 31/01/2007 đến 31/12/2007)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2007	6 tháng đầu năm 2008
Tổng giá trị tài sản	303.285.977.213	461.203.746.304
Doanh thu thuần	513.450.561.299	562.488.376.942
Lợi nhuận từ HĐKD	15.788.468.220	20.463.132.374
Lợi nhuận khác	1.314.669.567	-181.155.518
Lợi nhuận trước thuế	17.103.137.787	20.281.976.856
Lợi nhuận sau thuế	15.144.928.096	18.253.779.170
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	56,66%	
Tỷ lệ cổ tức	12,3%	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.529	2.608

Nguồn: BCTC năm 2007 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập

**Bảng 15: Ưu đãi thuế**

<b>Thứ tự</b>	<b>Nội dung</b>
<b>1. Sản phẩm được hưởng ưu đãi thuế</b>	Tất cả các mặt hàng do VG PIPE sản xuất (dải tôn, ống thép đen, ống thép mạ và các sản phẩm sản xuất từ thép...) đều được hưởng ưu đãi thuế
<b>2. Thuế suất ưu đãi và thời hạn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án (từ 2002 – 2051): 20%</li> <li>- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm đầu kể từ khi hoạt động có lãi (2004): 2004, 2005, 2006</li> <li>- Giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 7 năm tiếp theo: 2007 – 2013: thuế TNDN là 10%</li> <li>- Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu trong năm tài chính</li> </ul>

*Nguồn: VG PIPE*

### **7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo**

Trong năm 2007, giá thép trên thị trường có nhiều biến động gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặt khác giá nhiên liệu (khí gas) cũng liên tục tăng giá. Khi giá nguyên liệu tăng mạnh (khoảng 8% trở lên), một số đối tác cung cấp nguyên liệu từ Trung Quốc có thể tìm các rủi ro bất khả kháng nhằm hủy bỏ hợp đồng hoặc đơn phương không thực hiện hợp đồng, chấp nhận chịu phạt (khoảng 2% giá trị hợp đồng). Điều này dẫn đến thay đổi kế hoạch tồn kho nguyên liệu của Công ty, ảnh hưởng đến khả năng cung cấp sản phẩm ra thị trường. Tuy nhiên, Công ty cũng đã tổ chức nhiều chuyến công tác nghiên cứu năng lực cung cấp và thẩm định uy tín của các nhà cung cấp lớn tại Trung Quốc và loại trừ tối đa nhân tố ảnh hưởng trên.

Ngoài ra, trong năm 2007 giá dầu thế giới tăng mạnh làm tăng chi phí sản xuất của Công ty. Nhận định được điều đó, Hội đồng Quản trị đã quyết định cải tiến dây chuyền sản xuất ống mạ từ sử dụng nguyên liệu dầu F.O sang sử dụng khí gas. Đây là nguồn nhiên liệu sẵn có trong nước, giá cả ổn định khiến cho chi phí giá thành sản phẩm của Công ty thấp hơn so với sử dụng dầu F.O khoảng 1/3 lần.

Mặt khác, VG PIPE đã triển khai áp dụng đồng loạt các biện pháp đổi mới, sắp xếp lại tổ chức và nhân sự nhằm kiện toàn bộ máy hoạt động của Công ty. VG PIPE cũng liên tục đề ra những biện pháp quản lý mới nhằm giảm thiểu tối đa tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư trong quá trình sản xuất. Việc triển khai đồng loạt các giải pháp như vậy đã đem lại kết quả khả quan về tối ưu hóa chi phí đầu vào.

## 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

### 8.1 Tổng quan thị trường thép và sự phù hợp với định hướng phát triển Công ty.

Thép là vật tư chiến lược không thể thiếu của ngành công nghiệp, xây dựng, cơ khí, đồng thời có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Do vậy ngành thép luôn được Nhà nước xác định là ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Sự tăng trưởng của ngành thép gắn liền với sự tăng trưởng của nền kinh tế. Hiện nay, nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn phát triển, tốc độ tăng trưởng GDP đạt được ở mức cao. Năm 2007, tốc độ tăng trưởng GDP là 8,5%, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng và công nghiệp là 14%, cao hơn tốc độ tăng GDP của cả nước và sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới. Qua đó có thể thấy tiềm năng của ngành xây dựng nói chung và ngành thép nói riêng là rất lớn. Nhu cầu thép sẽ không ngừng được gia tăng cùng sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Theo quy hoạch tổng thể phát triển ngành thép của Chính phủ thì đến năm 2010, ngành thép sẽ trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của nền kinh tế quốc dân. Ngành thép sẽ làm chủ thị trường trong nước về chủng loại, chất lượng, quy cách các loại thép thông dụng, giá cả và tìm được thị trường xuất khẩu, phấn đấu đến năm 2010 sản xuất thép trong nước đáp ứng được 75%-80% nhu cầu tiêu dùng thép trong nước. Về công nghệ, ngành thép hướng tới sử dụng công nghệ hiện đại, tự động hoá ở mức cao, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, điện năng, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường...

Riêng về ngành thép ống, từ năm 2000 đến 2006, các đơn vị sản xuất thép đã có những bước phát triển vượt bậc, sản lượng bán hàng tăng liên tục với tốc độ cao. Tổng sản lượng bán ra của các doanh nghiệp sản xuất ống thép trong nước năm 2007 là khoảng 550.000 tấn, tăng 20% so với 2006.<sup>(6)</sup>

Tốc độ tăng trưởng của ngành thép ống luôn ở mức khá cao so với các sản phẩm thép khác, trung bình ở mức 15-17%/năm. Tính ứng dụng của thép ống ngày càng mở rộng trong rất nhiều lĩnh vực, do vậy sản lượng tiêu thụ không ngừng tăng qua các năm.

Nếu như đầu những năm 90, tại Việt Nam phải nhập khẩu phần lớn sản phẩm thép ống thì tới thời điểm năm 2007, đã có khoảng 40 đơn vị sản xuất ống thép với quy mô lớn nhỏ khác nhau, đáp ứng được khoảng 70% nhu cầu trong nước.

Mặc dù nằm trong danh sách ngành hàng được Chính phủ khuyến khích phát triển, tuy nhiên hàm lượng giá trị gia tăng tại các đơn vị sản xuất trong nước là chưa cao. Các sản phẩm yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật cao, đường kính lớn đều phải nhập khẩu. Đây là cơ hội rất lớn để các doanh nghiệp có quy mô lớn, hệ thống quản lý hiện đại nắm bắt để đầu tư.

Với chính sách xuyên suốt, VG PIPE tập trung phát triển năng lực theo cả chiều sâu lẫn bề rộng. Trong giai đoạn II, Công ty đã đầu tư thêm 01 dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng có công nghệ Mỹ và 04 dây chuyền ống đen cỡ nhỏ, và đặc biệt là hệ thống dây chuyền sản xuất ống thép cỡ lớn (đường kính đến 8") phù hợp tiêu chuẩn của Viện Dầu lửa Hoa Kỳ API 5L được áp dụng trong các đường ống dẫn dầu, khí ... Ngoài máy hàn cao tần, trong

<sup>6</sup> Nguồn: Hiệp hội thép Việt Nam

dây chuyên còn trang bị hệ thống hàn trung tần với mục đích hoàn nguyên các chỉ tiêu cơ lý tính tại điểm mối hàn so với nguyên liệu đầu vào, làm toàn thân sản phẩm gần như một khối thống nhất. Nhờ vậy, áp lực thử của sản phẩm có thể lên tới 210 atm (các sản phẩm thông thường chỉ đạt khoảng 30atm). Đây là dây chuyên đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam, đánh dấu bước nhảy vọt về công nghệ cũng như quy mô của VG PIPE.

Chủ trương đầu tư của VG PIPE hoàn toàn phù hợp với chính sách của Nhà nước. Tại Việt Nam, các sản phẩm ống thép dùng trong công nghiệp đóng tàu, dẫn dầu, khí đều phải nhập khẩu 100%, với giá thành cao hơn các sản phẩm ống thép khác từ 15%-20% gây lãng phí rất lớn cho nền kinh tế. Với công suất thiết kế là 100.000 tấn/năm cho sản phẩm ống lớn, VG PIPE có thể đáp ứng được phần lớn nhu cầu trong nước, ngoài ra một phần sản lượng sẽ được Công ty xuất khẩu sang các thị trường như Bắc Mỹ, Châu Âu ...

Xu thế của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng là phát triển ngành thép càng sát thượng nguồn thì càng hiệu quả. Tại Việt Nam, hầu hết các doanh nghiệp sản xuất thép ống đều phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài với sự phụ thuộc cao. Điều này dẫn đến giảm tính chủ động trong kế hoạch sản xuất, tồn kho ... giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nhận thức và nghiên cứu kỹ lưỡng được vấn đề này, VG PIPE đã đầu tư 02 dây chuyên liên tục và đảo chiều sản xuất tôn cuộn cán nguội, công suất 150.000 tấn/năm. Sau khi đi vào vận hành, Công ty sẽ đáp ứng được phần lớn nhu cầu nguyên liệu của chính Công ty, ngoài ra cung cấp cho các doanh nghiệp cùng ngành và xuất khẩu.

Định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với chính sách phát triển ngành thép của Chính phủ và xu thế phát triển của ngành thép thế giới. Đây được đánh giá là sự vượt trội của VG PIPE so với các doanh nghiệp cùng ngành, hoàn toàn có thể cạnh tranh mạnh mẽ với các nước trong khu vực với tư cách là đơn vị sản xuất thép ống hàng đầu tại Việt Nam

### **8.2 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành**

Ra đời năm 2003, Nhà máy Ống thép Việt Đức trước đây và nay là Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức là một đơn vị tham gia thị trường muộn hơn hầu hết các doanh nghiệp khác. Tuy nhiên, ngay lập tức bằng chất lượng và khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng, VG PIPE đã được thị trường đánh giá là một trong những đơn vị hàng đầu trong ngành thép ống Việt Nam. Năm 2007, sản phẩm của Công ty đã được tiêu thụ rộng rãi trên thị trường cả nước và xuất khẩu sang nhiều quốc gia trên thế giới. Với thị trường nội địa, thị phần của Công ty chiếm xấp xỉ 11%, với sản lượng tiêu thụ đạt 36.200 tấn sản phẩm

Tại thị trường thép ống Việt Nam hiện nay, có trên dưới 40 đơn vị sản xuất, tuy nhiên đa số trong đó có quy mô vừa và nhỏ, hơn nữa lại chỉ sản xuất được ống thép đen nên mới chỉ đáp ứng được một phần nhỏ nhu cầu thị trường. Cùng với VG PIPE, hiện chỉ có 04 đơn vị có thể sản xuất ống thép mạ kẽm nhúng nóng là Hoà Phát, Vinapipe, SeAH, Sunsco. Tuy nhiên, do SeAH và Sunsco là các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài với chủ trương hướng tới xuất khẩu nên thực tế cạnh tranh cùng hạng với VG PIPE trên thị trường ống thép mạ kẽm nhúng nóng là Hoà Phát và Vinapipe.

**Bảng 16a: Sản lượng các doanh nghiệp ngành thép**

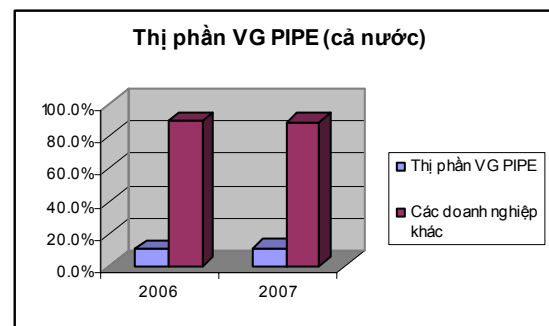
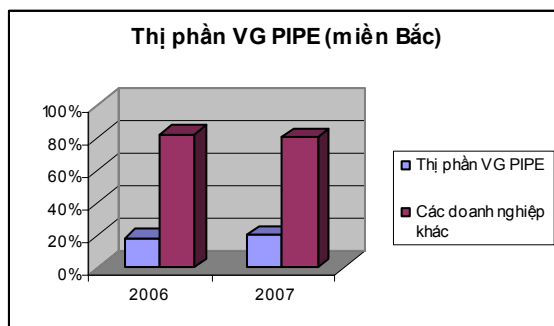
Chỉ tiêu	Đơn vị	2006	2007
Sản xuất nội địa	Nghìn tấn	5.700	7.140
Nhập khẩu thực tế (thành phẩm)	Nghìn tấn	1.480	3.060
Tiêu thụ thực tế	Nghìn tấn	7.180	10.200

(Nguồn: Viện Gang thép Đông Nam Á và Hiệp hội Thép Việt Nam)

**Bảng 16b: Sản lượng và thị phần thép ống của VG PIPE**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2006	2007
VG PIPE (Sản lượng sản xuất)	Nghìn tấn	28,7	35,4
VG PIPE (Sản lượng tiêu thụ)	Nghìn tấn	28,5	36,2

(Nguồn: Viện Gang thép Đông Nam Á và Hiệp hội Thép Việt Nam)



(Nguồn: Viện Gang thép Đông Nam Á và Hiệp hội Thép Việt Nam)

### **8.3 Phân tích Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội, Thách thức của Công ty.**

#### **8.3.1 Điểm mạnh.**

Công ty hiện đang sở hữu dây chuyền công nghệ hiện đại. Do đầu tư mới với nghiên cứu khả thi kỹ càng nên việc lựa chọn hãng cung cấp dây chuyền công nghệ xuất xứ từ CHLB Đức và Đài Loan là một quyết định đúng của ban lãnh đạo Công ty. Với dây chuyền này, VG PIPE có khả năng vận hành máy cán với tốc độ cao nhất Việt Nam, lên tới 100 mét/phút; máy hàn cao tần dùng bản mạch IC nên có độ ngẫu lớn, đảm bảo tính thống nhất kim loại trước và sau khi hàn; chủng loại sản phẩm lên tới 150 cùng với một số chủng loại duy nhất (hình thang trang trí) tạo ra sức cạnh tranh lớn về khả năng đáp ứng cung cấp nhu cầu thị trường; dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng sử dụng hệ thống cung cấp nhiệt lượng bằng khí gas tiết kiệm khoảng 30% so với phương pháp dùng dầu FO, hệ thống kiểm soát nhiệt độ tự động đảm bảo tính liên kết giữa lớp kẽm và thép rất cao ...

Đội ngũ cán bộ tại VG PIPE được đào tạo chuyên nghiệp, hệ thống quản lý vận hành theo ISO 9001: 2000. Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo ngắn, trung hạn bởi các tổ chức có uy tín trong nước và ngoài nước; đưa cán bộ, công nhân đi học

kinh nghiệm sản xuất kinh doanh của các nước trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á Mạng lưới phân phối là các đơn vị thương mại có năng lực tài chính, quản lý cao, được phân bổ rộng khắp trên phạm vi cả nước như Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có được sự hợp tác chặt chẽ và uy tín với các tổ chức tín dụng lớn như Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Techcombank.

Vị trí Công ty nằm trên Quốc lộ 2 (vừa hoàn thành nâng cấp thành đường cao tốc với 8 làn xe), cách Hà Nội 40 km là một lợi thế rất lớn trong việc lưu thông hàng hoá.

### 8.3.2 Điểm yếu.

Nguyên liệu tôn cuộn vẫn chiếm phần lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm, nên việc biến động giá nguyên liệu thế giới sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Công ty. Công ty vẫn phải phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nước ngoài, thiếu sự chủ động về nguyên nguyên liệu đầu vào.

### 8.3.3 Cơ hội.

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh, nhu cầu về sản phẩm vật liệu xây dựng nhất là thép sẽ còn tăng mạnh trong những năm tới.

Sau khi gia nhập WTO, Việt Nam sẽ là điểm đến của nhiều nhà đầu tư nước ngoài và sẽ có nhiều dự án được thực hiện .

Sau khi ra đời nhà máy sản xuất tôn cán nguội, chắc chắn năng lực đáp ứng cũng như tính hiệu quả của VG PIPE sẽ được nâng lên rõ rệt.

Ngoài ra, sự khác biệt cơ bản so với những năm trước đây là cơ hội xuất khẩu đối với các đơn vị sản xuất thép ống Việt Nam là rất lớn, song để thâm nhập những thị trường “khó tính” như Mỹ, Canada, EU đòi hỏi phải là các doanh nghiệp được đầu tư công nghệ hiện đại và vận hành bởi hệ thống quản lý chuyên nghiệp. Chính phủ Mỹ đã có những hành động cụ thể nhằm hạn chế thành phẩm thép ống từ Trung Quốc bằng sắc lệnh thuế chống bán phá giá. Ngoài ra, trong những năm qua nền kinh tế Trung Quốc có những bước phát triển quá nóng, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm thô ngày càng tăng, để kìm hãm phát triển bong bóng, chính phủ Trung Quốc đã bãi bỏ hỗ trợ thuế xuất khẩu từ 11% xuống 8% và cuối cùng là 0% đồng thời đánh thuế xuất khẩu lên 15% từ ngày 01/01/2008. Điều này làm cho giá xuất khẩu của các nhà máy tại Trung Quốc tăng cao, hơn nữa tỷ giá hối đoái giữa đồng Nhân dân tệ và đồng Đôla Mỹ ngày càng tăng theo hướng Nhân dân tệ, sẽ làm giảm lợi thế cạnh tranh tương đối của Trung Quốc.

Công ty sẽ coi lợi thế về năng lực nội tại cũng như cơ hội của kinh tế vĩ mô toàn cầu là cơ hội lớn cho sự phát triển và mở rộng vị thế của VG PIPE không những với thị trường nội địa mà là các thị trường xa hơn, khó tính hơn như Bắc Mỹ, EU và Đông Á.

### 8.3.4 Thách thức.

Mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước ngày càng khốc liệt, các đơn vị thường xây dựng mức giá bán rất thấp, trong khi nâng cao chất lượng phục vụ.

Dây chuyền của Công ty đều là mới 100%, được nhập khẩu đồng bộ từ các nước phát triển như Mỹ, Đức, Đài Loan, Trung Quốc ... nên vẫn nằm trong thời gian khấu hao, hơn nữa do tính hiện đại của dây chuyền thì việc làm chủ công nghệ của đội ngũ kỹ sư, công nhân Công ty là hết sức cần thiết.

## 9 Lực lượng lao động

### 9.1 Tình hình lao động tính tới thời điểm 30/06/2008

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 30/06/2008 là 250 người.

### 9.2 Trình độ lao động tại Công ty

**Bảng 17: Trình độ lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2008**

Trình độ học vấn	Lao động quản lý (người)	Lao động phục vụ, phụ trợ (người)	Khối sản xuất (người)	Tổng
Trên đại học	1	0	0	1
Đại Học	42	0	0	42
Cao Đẳng	15	0	22	37
Trung cấp	5	7	10	22
Công nhân kỹ thuật	0	27	130	157
Lao động phổ thông	0	23	10	33
<b>Tổng</b>	<b>63</b>	<b>57</b>	<b>172</b>	<b>292</b>

(Nguồn: VG PIPE)

### 9.3 Chính sách đối với người lao động.

#### 9.3.1 Chính sách tiền lương, BHXH, BHYT, phúc lợi.

Trên cơ sở thực hiện các Nghị định của chính phủ, các Thông tư, Công văn hướng dẫn của Bộ lao động, Bộ tài chính, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức đã định mức lao động và xây dựng quy chế trả lương cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, với mục tiêu đảm bảo mức thu nhập cao và ổn định (thu nhập bình quân mỗi cán bộ công nhân viên đạt 2.300.000 đồng/người/tháng trong năm 2007, 2.500.000 đồng/người/tháng vào Quý II/2008). Đồng thời, Công ty không hạn chế mức thu nhập hợp pháp của người lao động.

Hiện tại Công ty đã thực hiện trả lương theo sản phẩm đến người lao động, dựa trên các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tiền lương, mức lao động.
- Hạn mức và mức thu hồi công nợ.
- Định mức tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu, tỷ lệ phế phẩm.

Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV.

Ngoài ra Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV của Công ty.

Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất 1 lần.

### 9.3.2 Chính sách tiền thưởng.

Nhằm khuyến khích, động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Chính sách khen thưởng hàng quý, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc. Thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời để khuyến khích động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh. Thưởng đặc biệt đối với những nhân viên giỏi và có nhiều sáng kiến cải tiến công việc trong Công ty.

### 9.3.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo.

- **Chính sách tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể, Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Song, tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn như kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý và trình độ ngoại ngữ, tin học... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.
- **Chính sách đào tạo:** Công ty luôn luôn coi người lao động là tài sản quý của doanh nghiệp. Và để phát huy có hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty sử dụng kết hợp đồng thời các công tác đào tạo, phát triển nhân viên. Công ty cũng luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học hỏi những kỹ năng mới cần thiết để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty đài thọ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập, những nhân viên có thành tích học tập khá trở lên sẽ được khen thưởng.

Hiện nay Công ty cổ phần Ứng dụng Thép Việt Đức VG PIPE đã xây dựng và vận hành một quy trình đào tạo qua các bước hết sức chặt chẽ và hiện đại, từ khâu xác định nhu cầu đào tạo đến xây dựng kế hoạch đào tạo, thực hiện kế hoạch đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo, lập và lưu hồ sơ đào tạo rất chuẩn mực. Nhu cầu đào tạo được cụ thể như sau:

- Đào tạo người mới vào Công ty (100% cán bộ công nhân viên vào công ty làm việc đều được Công ty tiến hành đào tạo và tái đào tạo);
- Đào tạo cho người chuyển đổi vị trí công tác;
- Đào tạo để nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên (Khẩu hiệu: tinh thông một việc, biết nhiều việc).
- Đào tạo sử dụng trang thiết bị mới, công nghệ mới;
- Đào tạo về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm.



## 10. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty: hạch toán, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ:

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Cổ tức được chia theo mức Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT.
- Cổ đông sẽ nhận cổ tức theo tỷ lệ phần vốn góp, thời gian trả cổ tức thường là 01 lần/năm HĐQT có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác, mức cổ tức (có tính đến cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với các khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
- Tổng công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn.

**Bảng 18: Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty**

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức trên vốn điều lệ
Năm 2007	12,3%/năm (*)
Năm 2008 (dự kiến)	13%/năm

(Nguồn: VG PIPE)

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ/VGPIPE ngày 12/08/2008, Công ty sử dụng 8.581.000.000 đồng lợi nhuận sau thuế năm 2007 để trả cổ tức bằng cổ phiếu. Như vậy, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tại thời điểm chia cổ tức sẽ được nhận 0,123 cổ phiếu mới. Đồng thời, Công ty cũng sẽ thực hiện chia cổ phiếu thưởng bằng 100% nguồn thặng dư vốn của năm 2007 (tương đương 47.419.000.000 đồng). Như vậy, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tại thời điểm thực hiện phương án chia sẽ được nhận 0,677 cổ phiếu thưởng. Việc chia cổ phiếu thưởng sẽ được thực hiện sau khi công ty được niêm yết trên TTGDCK Hà Nội.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích lập phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể:

- + Phương pháp khấu hao áp dụng: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và khung thời gian thuê đất 49 năm theo Hợp đồng thuê đất số 880/HĐ-TĐ ngày 03 tháng 05 năm 2007 giữa Công ty VG PIPE với UBND tỉnh Vĩnh Phúc.
- + Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ:

**Bảng 19: Thời gian khấu hao TSCĐ**

Nhóm TSCĐ	Số năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc, thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán của VG PIPE*

*- Mức lương bình quân*

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2007 là: 2.300.000 đồng/người/tháng. Dự kiến năm 2008 là 2.500.000 đồng/người/tháng.

*- Thanh toán các khoản nợ đến hạn*

Trong năm 2007, Công ty đã thực hiện khá tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Tuy nhiên do nguồn vốn còn thấp và do thị trường có nhiều biến động về giá nên năm 2007 Công ty đã cũng phải trả lãi vay chậm trả cho Công ty CP xuất nhập khẩu máy và Phụ tùng với số tiền 395.592.106đồng. Và tính đến ngày 30/06/2008 Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn.

*- Các khoản phải nộp theo luật định*

**Bảng 20a: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (Hợp nhất)**

*Đơn vị tính: VNĐ*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2007	30/06/2008
1	Thuế giá trị gia tăng	(698.087.230)	(13.806.435.800)
2	Thuế xuất nhập khẩu	(596.874.158)	(836.090.787)
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	865.877.987	1.179.247.666
4	Các loại thuế khác	16.682.846	43.066.752
5	Các khoản phí, lệ phí ...	0	0
	<b>CỘNG</b>	<b>(412.400.555)</b>	<b>(13.420.212.169)</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập*

**Bảng 20b: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (Công ty mẹ)**
*Đơn vị tính: VND*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2007	30/06/2008
1	Thuế giá trị gia tăng	(688.929.060)	(12.014.975.114)
2	Thuế xuất nhập khẩu	(596.874.158)	(836.090.787)
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	865.877.987	1.179.247.666
4	Các loại thuế khác	16.682.846	29.626.752
5	Các khoản phí, lệ phí ...	0	0
	<b>CỘNG</b>	<b>(403.242.385)</b>	<b>(11.642.191.483)</b>

*Nguồn: BCTC năm 2007 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập*

Các khoản thuế GTGT và thuế nhập khẩu tôn cuộn là các khoản thuế phát sinh hàng tháng, sẽ được Công ty thanh toán theo tháng.

Đến ngày 30/06/2008, thuế nhập khẩu doanh nghiệp hiện đang nộp thừa là do: có một số mặt hàng tôn cán nguội Công ty nhập về không phải nộp thuế nhập khẩu nhưng hiện nay có một số nghi vấn của C/O mẫu E do Trung Quốc cấp nên Tổng cục Hải quan vẫn yêu cầu doanh nghiệp nộp thuế nhập khẩu và đến khi có kết luận chính thức của Thanh tra Chính Phủ, trường hợp C/O được chấp nhận, cơ quan Hải quan sẽ làm thủ tục hoàn lại tiền thuế nộp thừa cho doanh nghiệp (*Công văn số 2044/HQHN-NV ngày 26/12/2007*).

Khoản thuế TNDN Công ty tự kê khai, tự quyết toán hàng quý và số thuế TNDN hiện chưa nộp đó thuộc của Quý II năm 2008 và sang tháng 7 năm 2008 Công ty đã nộp đủ.

*- Trích lập các quỹ theo luật định*

Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Hàng năm, Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

- + Quỹ dự phòng tài chính trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% cho tới khi bằng 10%.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 10%
- + Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 10%

**Bảng 21a: Tình hình các quỹ (Hợp nhất)**
*Đơn vị tính: VND*

Các quỹ	31/12/2007	30/06/2008
Quỹ dự phòng tài chính	757.246.405	757.246.405
Quỹ đầu tư phát triển	1.764.492.810	1.764.492.810
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.515.742.810	1.405.992.810
Quỹ thặng dư vốn	47.419.000.000	47.419.000.000
<b>TỔNG</b>	<b>51.456.482.025</b>	<b>51.346.732.025</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập*

**Bảng 21b: Tình hình các quỹ (Công ty mẹ)**
*Đơn vị tính: VND*

<b>Các quỹ</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>30/06/2008</b>
Quỹ dự phòng tài chính	757.246.405	757.246.405
Quỹ đầu tư phát triển	1.764.492.810	1.764.492.810
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.515.742.810	1.405.992.810
Quỹ thặng dư vốn	47.419.000.000	47.419.000.000
<b>TỔNG</b>	<b>51.456.482.025</b>	<b>51.346.732.025</b>

*Nguồn: BCTC năm 2007 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập*

*- Tổng dư nợ vay*

**Bảng 22a: Dư nợ vay (tại thời điểm 30/06/2008)**
**(Hợp nhất)**
*Đơn vị tính: VND*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>30/06/2008</b>	<b>Ghi chú</b>
Vay ngắn hạn	105.394.794.829	236.758.907.716	
Vay dài hạn	5.416.520.000	35.546.131.109	
Vay dài hạn đến hạn trả	0	0	

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập*

**Bảng 22b: Dư nợ vay (tại thời điểm 30/06/2008)**
**(Công ty mẹ)**
*Đơn vị tính: VND*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>30/06/2008</b>	<b>Ghi chú</b>
Vay ngắn hạn	105.394.794.829	236.758.907.716	
Vay dài hạn	0	0	
Vay dài hạn đến hạn trả	0	0	

*Nguồn: BCTC năm 2007 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập*

**Bảng 23a: Chi tiết dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn**  
(tại thời điểm ngày 30/06/2008) (Hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

STT	Đối tác cho vay	Số tiền (đồng)	Hợp đồng	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (tháng)
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>236.758.907.716</b>			
1	Ngân hàng ĐT và PT VN – CN Phúc Yên	152.376.006.429	01/2007/HĐH M ngày 4/07/07	12	1,7%
2	Ngân hàng SEABANK – CN Hà Nội	962.000.000	1070268 ngày 28/09/2007	12	0,95%
3	Ngân hàng HD Bank – CN Hà Nội	12.573.528.526	083/07HK ngày 05/12/2007	12	1,35%
4	Ngân hàng Techcombank – CN Vĩnh Phúc	64.891.263.350	1455/HĐHM/T CB-VP ngày 09/4/2008	12	1,75%
5	Ông Lê Văn Thiêm	5.956.109.411	Khế ước vay	12	1,75%
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>35.546.131.109</b>			
1	Ngân hàng ĐT và PT VN – CN Phúc Yên	35.546.131.109	HĐ 01/2007 ngày 01/10/07	72	1,75 %

Nguồn: BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập

**Bảng 23b: Chi tiết dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn**  
(tại thời điểm ngày 30/06/2008) (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

STT	Đối tác cho vay	Số tiền (đồng)	Hợp đồng	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (tháng)
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>236.758.907.716</b>			
1	Ngân hàng ĐT và PT VN – CN Phúc Yên	152.376.006.429	01/2007/HĐH M ngày 4/07/07	12	1,7%
2	Ngân hàng SEABANK – CN Hà Nội	962.000.000	1070268 ngày 28/09/2007	12	0,95%
3	Ngân hàng HD Bank – CN Hà Nội	12.573.528.526	083/07HK ngày 05/12/2007	12	1,35%

4	Ngân hàng Techcombank – CN Vĩnh Phúc	64.891.263.350	1455/HĐHM/T CB-VP ngày 09/4/2008	12	1,75%
5	Ông Lê Văn Thiêm	5.956.109.411	Khế ước vay	12	1,75%

Nguồn: VG PIPE

Do đặc điểm là một doanh nghiệp trong ngành sản xuất ống thép, nhu cầu vốn lưu động của Công ty để nhập các nguyên liệu, vật liệu như tôn cuộn, kẽm thỏi, hợp kim, than,... phục vụ sản xuất là lớn. Các khoản nợ vay ngắn hạn của Công ty VG PIPE chủ yếu là để phục vụ cho nhu cầu về vốn lưu động cũng như hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cân đối nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

- Tình hình công nợ hiện nay

**Bảng 24a: Tình hình công nợ (hợp nhất)**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2007 (VNĐ)	30/6/2008 (VNĐ)
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>99.261.461.351</b>	<b>81.031.953.650</b>
1	Phải thu của khách hàng	71.411.960.329	63.743.289.826
2	Trả trước cho người bán	27.793.675.426	13.806.435.800
3	Phải thu khác	55.825.596	3.482.228.024
<b>II</b>	<b>Các khoản phải trả</b>	<b>175.967.639.169</b>	<b>351.104.819.635</b>
<b>1</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>170.447.279.995</b>	<b>315.431.815.196</b>
	Vay ngắn hạn	105.394.794.829	236.758.907.716
	Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
	Phải trả cho người bán	57.577.699.598	64.510.476.098
	Người mua trả tiền trước	6.160.031.473	1.120.057.464
	Thuế và các khoản phải nộp NN	882.560.833	1.222.314.418
	Phải trả công nhân viên	0	0
	Chi phí phải trả	187.623.280	0
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	244.569.982	11.820.059.500
<b>2</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>5.520.359.174</b>	<b>35.673.004.439</b>
	Vay và nợ dài hạn	5.416.520.000	35.546.131.109
	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	103.839.174	126.873.330
<b>3</b>	<b>Nợ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập

Tại thời điểm 31/12/2007, các khoản phải thu của Toàn Công ty là: 99.261.461.351 đồng, chiếm tỷ trọng 32,14% trên tổng tài sản. Và đến Quý II năm 2008 (ngày 30/06/2008), các khoản phải thu của Toàn Công ty là 81.031.953.650 đồng, chiếm tỷ trọng 16,13% trên tổng tài sản. Hiện tại, không có khoản nào công nợ khó đòi.

Ngày 25/12/2007, Công ty đã ký giấy nhận nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Hà Nội số tiền 3.377.000.000 đồng kèm theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1070268 ngày 28/09/2007 để Ngân hàng ký bảo lãnh cho Công ty nhận hàng nhập khẩu.

**Bảng 24b: Tình hình công nợ (Công ty mẹ)**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2007 (VNĐ)	30/6/2008 (VNĐ)
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>89.440.000.450</b>	<b>85.800.849.339</b>
1	Phải thu của khách hàng	71.411.960.329	73.909.696.715
2	Trả trước cho người bán	17.972.214.525	8.408.924.600
3	Phải thu khác	55.825.596	3.482.228.024
<b>II</b>	<b>Các khoản phải trả</b>	<b>170.470.799.116</b>	<b>310.244.539.037</b>
<b>1</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>170.366.959.942</b>	<b>310.117.665.707</b>
	Vay ngắn hạn	105.394.764.829	236.758.907.716
	Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
	Phải trả cho người bán	57.538.964.312	59.227.266.685
	Người mua trả tiền trước	6.160.031.473	1.120.057.464
	Thuế và các khoản phải nộp NN	882.560.833	1.208.874.418
	Phải trả công nhân viên	0	0
	Chi phí phải trả	187.623.280	0
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	202.985.215	11.802.559.424
<b>2</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>103.839.174</b>	<b>126.873.330</b>
	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	103.839.174	126.873.330
<b>3</b>	<b>Nợ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Nguồn: BCTC năm 2007 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập

Tại thời điểm 31/12/2007, các khoản phải thu của Công ty là 89.440.000.450 đồng, chiếm tỷ trọng 29,49% trên tổng tài sản. Và đến Quý II năm 2008 (ngày 30/06/2008), các khoản phải thu của Công ty là 85.800.849.339 đồng, chiếm tỷ trọng 18,6% trên tổng tài sản. Hiện tại, không có khoản nào công nợ khó đòi.

Ngày 25/12/2007, Công ty đã ký giấy nhận nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Hà Nội số tiền 3.377.000.000 đồng kèm theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1070268 ngày 28/09/2007 để Ngân hàng ký bảo lãnh cho Công ty nhận hàng nhập khẩu.

**11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**
**Bảng 25a: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**
**(Hợp nhất)**
*(Thời gian hoạt động năm 2007: 11 tháng kể từ ngày 31/01/2007 đến 31/12/2007)*

Các chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2007
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán hiện thời	lần	1,31
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,75
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	56,99
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,32
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho	lần	5,03
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	166,28
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,95
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,40
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,90
Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	3,07

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán*
**Bảng 25b: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**
**(Công ty mẹ)**
*(Thời gian hoạt động năm 2007: 11 tháng kể từ ngày 31/01/2007 đến 31/12/2007)*

Các chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2007
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán hiện thời	lần	1,24
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,69
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	56,21
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,28



<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho	lần	5,03
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	169,30
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,95
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,53
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,99
Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	3,07

Nguồn: BCTC năm 2007 đã kiểm toán

## 12. Hội đồng quản trị, Cổ đông sáng lập, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.

### 12.1 Danh sách Hội đồng quản trị

- Ông **LÊ MINH HẢI**

- **Giới tính:** Nam
- **Ngày tháng năm sinh:** 19/10/1964
- **Nơi sinh:** TP Vinh - Nghệ An
- **CMND:** 011561820 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 1/8/2002
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Quê quán:** Thành phố Vinh - Nghệ An
- **Địa chỉ thường trú:** 118 – 120 D1 Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội
- **Điện thoại liên lạc:** 0913.21 99 99
- **Trình độ văn hoá:** 12/12
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Đại học Kinh tế
- **Quá trình công tác:**
  - 1982 - 1988: Học tập tại Tiệp Khắc
  - 1989 - 1990: Cán bộ Công ty vật tư thứ liệu Trung ương.
  - 1991 – 1997: Cửa hàng trưởng – XN dịch vụ vật tư thuộc Tổng Cty thép Việt Nam.
  - 1998 – 1999: Cửa hàng trưởng – Công ty kinh doanh thép và vật tư Hà Nội thuộc Tổng Công ty thép Việt Nam.
  - 2000 – 2002 Phó Giám đốc Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO
  - 2003 – 2004 Giám đốc Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO.
  - 2005 – 1/2007: Tổng Giám đốc Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO.
  - 2/2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Ông

- thép Việt Đức VG PIPE; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư công nghiệp Việt Đức và Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thép Việt Đức.
- **Chức vụ hiện tại:** Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE;
  - **Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:**
    - Chủ tịch HĐQT Cty CP ĐT CN Việt Đức (VGI)
    - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thép Việt Đức (VDS)
  - **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:** 23,857% tương đương 1.670.000 cổ phần
  - **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:**
    - Vợ: Nguyễn Thị Thanh Thủy; tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 18,75% tương đương 1.312.500 cổ phần.
  - **Các khoản nợ đối với Công ty:** Không
  - **Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Theo quy chế của Công ty.
  - **Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:** Không
- **Ông ĐỖ THANH TÙNG**
- **Giới tính:** Nam
  - **Ngày tháng năm sinh:** 09/01/1980
  - **Nơi sinh:** Hà Nội
  - **CMND:** B0026284 do Bộ công an cấp ngày 10/10/2005
  - **Quốc tịch:** Việt Nam
  - **Dân tộc:** Kinh
  - **Quê quán:** Kim Sơn – Ninh Bình
  - **Địa chỉ thường trú:** Số 3 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
  - **Điện thoại liên lạc:** 0903.255568
  - **Trình độ văn hoá:** 12/12
  - **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
  - **Quá trình công tác:**
    - 2/2003 - 6/2003: Chuyên viên Kinh doanh Công ty cổ phần thép Việt Nam.
    - 7/2003 - 01/2007: Phó Giám đốc Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE
    - 2/2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE kiêm Thành viên HĐQT.
  - **Chức vụ hiện tại:** Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE.
  - **Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Không
  - **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:** 1,429% tương đương 100.000 cổ phần
  - **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:**
    - Mẹ: Nguyễn Thị Thanh Thủy; tỷ lệ sở hữu chứng

khoản: 18,75% tương đương 1.312.500 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Ông **NGUYỄN HỮU THỂ**
  - Giới tính: Nam
  - Ngày tháng năm sinh: 19/5/1970
  - Nơi sinh: Thạch Thất – Hà Tây
  - CMND: 111711005 do Công an tỉnh Hà Tây cấp ngày 31/7/2000
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Xã Bình phú, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà tây
  - Địa chỉ thường trú: P202, TT nhà G, trường CĐXD, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Tây
  - Điện thoại liên lạc: 0912 316 559
  - Trình độ văn hoá: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đại học Bách khoa
  - Quá trình công tác:
    - 8/2000 - 3/2001: Trưởng ca đen Phân xưởng ống thép đen của Nhà máy Ống thép Hoà Phát.
    - 4/2001 - 12/2002: Quản đốc Phân xưởng uốn thép Nhà máy Ống thép Hoà Phát.
    - 10/2003 - 07/2004: Quản đốc Phân xưởng ống thép đen Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE.
    - 8/2004 - 01/2007: Phó Giám đốc Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE
    - 2/2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE.
  - Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE;
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty CP thép Việt Đức
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0,714% tương đương 50.000 cổ phần
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không.
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
  - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Công ty
  - Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Bà **NGUYỄN THỊ NHI**
  - Giới tính: Nữ
  - Ngày tháng năm sinh: 01/12/1978
  - Nơi sinh: Đồng Phong – Nho Quan – Ninh Bình

- **CMND:** 013024442 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 9/12/2007
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Quê quán:** Phở Khánh - Đức Phở - Quảng Ngãi
- **Địa chỉ thường trú:** Số 7B, Ngõ 79, Lương Khánh Thiện, Hoàng Mai, Hà Nội
- **Điện thoại liên lạc:** 0913 280 885
- **Trình độ văn hoá:** 12/12
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán Đại học thương mại
- **Quá trình công tác:**
  - 9/1998 - 5/1999: Nhân viên kế toán Cửa hàng 12 - Công ty thép Hà Nội
  - 6/1999 - 9/2001: Nhân viên kế toán Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO
  - 10/2001 - 04/2004: Phó phòng Kế toán Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO.
  - 5/2004 - 5/2006: Trưởng phòng Kế toán Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO.
  - 6/2006 - 31/1/2007: Phó phòng Kế toán Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO.
  - 2/2007 đến nay: Trưởng phòng Kế toán tài chính Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE.
- **Chức vụ hiện tại:** Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kế toán tài chính Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE.
- **Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Trưởng phòng Kế toán tài chính Công ty CP thép Việt Đức.
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:** 0,786% tương đương 55.000 cổ phần
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:** Không.
- **Các khoản nợ đối với Công ty:** Không
- **Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Theo quy định của Công ty
- **Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:** Không

• **Ông LÊ PHAN ĐỨC**

- **Giới tính:** Nam
- **Ngày tháng năm sinh:** 25/10/1980
- **Nơi sinh:** Mỹ Độ, Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
- **CMND:** 012792826 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 19/5/2005
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Quê quán:** Mỹ Độ, Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
- **Địa chỉ thường trú:** Số 19, ngõ 44, Võ Thị Sáu, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- **Điện thoại liên lạc:** 0912.093462

- **Trình độ văn hoá:** 12/12
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân
- **Quá trình công tác:**
  - 5/2002 - 11/2003 : Nhân viên kinh doanh Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO
  - 12/2003 - 4/2006: Phó phòng kinh doanh Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE
  - 05/2006 - 01/2007: Trưởng phòng kinh doanh Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE.
  - 2/2007 đến nay: Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE.
- **Chức vụ hiện tại:** Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE.
- **Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Không
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:** 0,714% tương đương 50.000 cổ phần
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:** Không.
- **Các khoản nợ đối với Công ty:** Không
- **Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Theo quy định của Công ty
- **Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:** Không

### 12.3 Danh sách Ban giám đốc

- **Ông LÊ MINH HẢI**

Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE

Lý lịch chi tiết: *Đã nêu ở phần Danh sách Hội đồng quản trị*

- **Ông NGUYỄN HỮU THỂ**

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE

Lý lịch chi tiết: *Đã nêu ở phần Danh sách Hội đồng quản trị*

- **Ông ĐỖ THANH TÙNG**

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE

Lý lịch chi tiết: *Đã nêu ở phần Danh sách Hội đồng quản trị*

- **Ông NGUYỄN NGỌC BẢO**

- **Giới tính:** Nam
- **Ngày tháng năm sinh:** 09/01/1959
- **Nơi sinh:** Hà Đông
- **CMND:** 010996912 do Công an tỉnh Hà Tây cấp ngày 29/6/2001
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh

- **Quê quán:** Từ Liêm – Hà Nội
- **Địa chỉ thường trú:** Số 63, Nguyễn Khắc Nhu, Trung Trục, Ba Đình, Hà Nội
- **Điện thoại liên lạc:** 0914777887
- **Trình độ văn hoá:** 12/12
- **Trình độ chuyên môn:** Kiến trúc sư Đại học Kiến trúc
- **Quá trình công tác:**
  - 1982 - 1987: Cán bộ Viện thiết kế Bộ thủy sản.
  - 1988 - 1992: Cán bộ Viện thiết kế nhà ở - Bộ xây dựng.
  - 1993 - 1995: Giám đốc Công ty TNHH tư vấn thiết kế BT
  - 1996 - 2004: Phó Giám đốc Công ty đầu tư thương mại Đại Việt.
  - 2005 - 2006: Giám đốc Công ty XD và trang trí nội thất Thăng Long
  - 4/2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
- **Chức vụ hiện tại:** Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE;
- **Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Không
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:** 1,429% tương đương 100.000 cổ phần
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:** Không
- **Các khoản nợ đối với Công ty:** Không
- **Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Theo quy định của Công ty
- **Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:** Không

#### 12.4 Danh sách Ban kiểm soát

- **Ông NGÔ VI ANH TÚ**

- **Giới tính:** Nam
- **Ngày tháng năm sinh:** 13/5/1975
- **Nơi sinh:** Phù Tiên - Hải Hưng
- **CMND:** 012166055 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 5/9/1998
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Quê quán:** Hạ Hoà – Phú Thọ
- **Địa chỉ thường trú:** Số 24, ngõ 122, Khương Đình, Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
- **Điện thoại liên lạc:** 0903.433725
- **Trình độ văn hoá:** 12/12
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Đại học Thương mại
- **Quá trình công tác:**
  - 10/1996 - 4/1997: Nhân viên Kinh doanh Cửa hàng số 9 – Xí nghiệp dịch vụ vật tư.
  - 5/1997 - 08/1999: Nhân viên Kinh doanh Cửa hàng số 18 – Công ty kinh doanh thép và vật tư Hà Nội

- 9/1999 - 11/1999: Nhân viên Kinh doanh Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO.
- 12/1999 - 12/1999: Cửa hàng trưởng 700 Minh Khai - Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO.
- 01/2000 - 2001: Trưởng văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO.
- 2002 - 2003: Trưởng văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO.
- 2004 - 06/2005: Phó phòng vật tư xuất nhập khẩu Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE.
- 07/2005 - 01/2007: Trưởng phòng tổng hợp Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE.
- 02/2007 - 09/2007: Chánh Văn phòng Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE.
- 10/2007 đến nay: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP thép và vật tư công nghiệp SIMCO.
- **Chức vụ hiện tại:** Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Ống thép Việt Đức
  - **Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP thép và vật tư công nghiệp SIMCO
  - **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:** 0,714% tương đương 50.000 cổ phần
  - **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:** Không.
  - **Các khoản nợ đối với Công ty:** Không
  - **Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Theo quy định của Công ty
  - **Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:** Không

• **Ông LÊ VĂN SƠN**

- **Giới tính:** Nam
- **Ngày tháng năm sinh:** 28/01/1980
- **Nơi sinh:** Hà Nội
- **CMND:** 011876935 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 30/4/1995
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Quê quán:** Xóm 3, Giáp Nhị, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.
- **Điện thoại liên lạc:** 0912823934
- **Trình độ văn hoá:** 12/12
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế
- **Quá trình công tác:**
  - 10/2005 – 31/1/2007: Nhân viên Phòng Kinh doanh Nhà máy Ống thép Việt Đức
  - 02/2007 – nay: Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE

- **Chức vụ hiện tại:** Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
- **Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Không
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:** 0%
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:** Không
- **Các khoản nợ đối với Công ty:** Không
- **Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Theo quy định của Công ty
- **Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:** Không

- **Bà NGÔ ANH TRÂM**

- **Giới tính:** Nữ
- **Ngày tháng năm sinh:** 20/01/1977
- **Nơi sinh:** Vĩnh Phúc
- **CMND:** 131164789 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 8/4/1996
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Quê quán:** Vĩnh Phúc
- **Địa chỉ thường trú:** Xuân Thượng, Phúc Thắng, Phúc yên, Vĩnh Phúc
- **Điện thoại liên lạc:** 0912870494
- **Trình độ văn hoá:** 12/12
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế
- **Quá trình công tác:**
  - 01/2002 – 12/2002 : Nhân viên kế toán Cty công nghệ TM Toàn Thắng
  - 01/2003 - 9/2005: Nhân viên XNK Cty TNHH Shinwon Ebenezer
  - 10/2005 – 12/2006: Nhân viên XNK Công ty Giấy Vĩnh Yên
  - 03/2007 – nay Nhân viên KD Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
- **Chức vụ hiện tại:** Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
- **Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Không
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:** 0%
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:** Không
- **Các khoản nợ đối với Công ty:** Không
- **Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Theo quy định của Công ty
- **Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:** Không

### 12.5 Trưởng phòng Kế toán – Tài chính

- **Bà NGUYỄN THỊ NHI**

**Chức vụ hiện tại:** Trưởng phòng Kế toán tài chính kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE

**Lý lịch chi tiết:** Đã nêu ở phần Danh sách Hội đồng quản trị



**13. Tài sản của Công ty**
**Bảng 26a: Tình hình tài sản tính đến ngày 31/12/2007 (Hợp nhất)**
*Đơn vị tính: VND*

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>87.466.304.778</b>	<b>33.724.741.611</b>	<b>53.741.563.167</b>	<b>61,44</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	29.127.057.905	7.898.464.588	21.228.593.317	72,88
Máy móc, thiết bị	52.499.955.454	23.044.708.904	29.455.246.550	56,11
Phương tiện vận tải	5.604.356.124	2.681.512.004	2.922.844.120	52,15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	234.935.295	100.056.115	134.879.180	57,41
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>6.045.872.159</b>	<b>579.804.530</b>	<b>5.466.067.629</b>	<b>90,41</b>
Quyền sử dụng đất	6.012.797.159	557.203.448	5.455.593.711	90,73
Phần mềm kế toán	33.075.000	22.601.082	10.473.918	31,67
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.512.176.937</b>	<b>34.304.546.141</b>	<b>59.207.630.796</b>	<b>63,32</b>

*Nguồn: BCTC năm 2007 hợp nhất đã kiểm toán*
**Bảng 26b: Tình hình tài sản tính đến ngày 30/06/2008 (Hợp nhất)**
*Đơn vị tính: VND*

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>158.998.622.695</b>	<b>40.079.676.268</b>	<b>118.918.946.427</b>	<b>74,79%</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	47.414.683.097	8.709.337.528	38.705.345.569	81,63%
Máy móc, thiết bị	102.049.769.597	28.210.850.014	73.838.919.583	72,36%
Phương tiện vận tải	9.154.224.632	2.995.997.676	6.158.226.956	67,27%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	379.945.369	163.491.050	216.454.319	56,97%

<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>18.252.139.829</b>	<b>644.757.074</b>	<b>17.607.382.755</b>	<b>96,47%</b>
Quyền sử dụng đất	18.219.064.829	618.848.576	17.600.216.253	96,60%
Phần mềm kế toán	33.075.000	25.908.498	7.166.502	21,67%
<b>Tổng cộng</b>	<b>177.250.762.524</b>	<b>40.724.433.342</b>	<b>136.526.329.182</b>	<b>77,02%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập

**Bảng 27a: Tình hình tài sản tính đến ngày 31/12/2007 (Công ty mẹ)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>87.466.304.778</b>	<b>33.724.741.611</b>	<b>53.741.563.167</b>	<b>61,44</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	29.127.057.905	7.898.464.588	21.228.464.317	72,88
Máy móc, thiết bị	52.499.955.454	23.044.708.904	29.455.246.550	56,11
Phương tiện vận tải	5.604.356.124	2.681.512.004	2.922.844.120	52,15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	234.935.295	100.056.115	134.879.180	57,41
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>6.045.872.159</b>	<b>579.804.530</b>	<b>5.466.067.629</b>	<b>90,41</b>
Quyền sử dụng đất	6.012.797.159	557.203.448	5.455.593.711	90,73
Phần mềm kế toán	33.075.000	22.601.082	10.473.918	31,67
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.512.176.937</b>	<b>34.304.546.141</b>	<b>59.207.630.796</b>	<b>63,32</b>

Nguồn: BCTC năm 2007 đã kiểm toán

**Bảng 27b: Tình hình tài sản tính đến ngày 30/06/2008 (Công ty mẹ)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>98.963.248.173</b>	<b>39.828.483.029</b>	<b>59.134.765.144</b>	<b>59,75</b>

Nhà cửa, vật kiến trúc	30.122.702.451	8.662.140.581	21.460.561.870	71,24
Máy móc, thiết bị	61.383.876.721	28.036.234.398	33.347.642.323	54,32
Phương tiện vận tải	7.114.631.251	2.967.669.990	4.146.961.261	58,29
Thiết bị, dụng cụ quản lý	342.037.750	162.438.060	179.599.690	52,51
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>18.252.139.829</b>	<b>644.757.074</b>	<b>17.607.382.755</b>	<b>96,47</b>
Quyền sử dụng đất	18.219.064.829	618.848.576	17.600.216.253	96,60
Phần mềm kế toán	33.075.000	25.908.498	7.166.502	21,67
<b>Tổng cộng</b>	<b>117.215.388.002</b>	<b>40.473.240.103</b>	<b>76.742.147.899</b>	<b>65,47</b>

*Nguồn: BCTC 6 tháng đầu năm 2008 do Công ty tự lập*

**Công ty hiện đang sở hữu quyền sử dụng một số lô đất, cụ thể như sau:**

- 60.700m<sup>2</sup> đất tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm tính từ năm 2002 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB762857 và AB762860 ngày 01/04/2008
- 2.720m<sup>2</sup> đất tại xã Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm tính từ năm 2007 theo Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 23/5/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc. Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền sử dụng lô đất trên và nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB762810 ngày 18/01/2008.
- 1.577m<sup>2</sup> đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời hạn sử dụng 49 năm tính từ năm 2007 theo Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc. Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền sử dụng lô đất trên và nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB762820 và AB762821 ngày 14/02/2008.
- 330m<sup>2</sup> đất tại Khu du lịch giải trí, nhà vườn thuộc KĐT Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội với thời gian sử dụng lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM635448 ngày 23/07/2008.

**14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

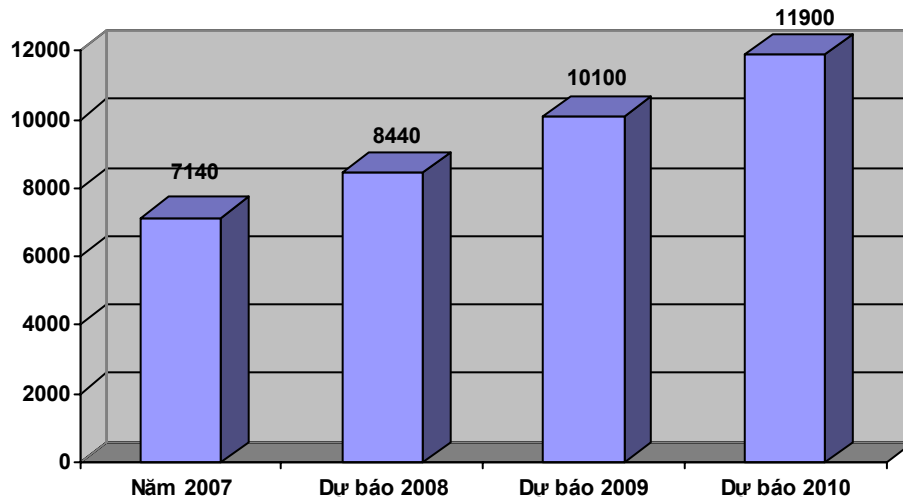
**14.1 Mục tiêu phát triển**

Năm 2008, được xác định là năm bản lề trong hoạt động của VG PIPE. Công ty dự định sẽ niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Việc niêm yết đòi hỏi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được minh bạch hoá, đồng thời tạo ra một kênh thu hút vốn hiệu quả để thực hiện các dự án của Công ty. Trước tình hình giá thép thế giới vẫn ở tình trạng không ổn định, thị trường thép Việt Nam sẽ có nhiều biến động khó lường, đòi hỏi Công ty phải có phản ứng linh hoạt trong các quyết định kinh doanh

Dưới đây là bảng dự báo nhu cầu tiêu dùng những năm tới tại Việt Nam:

**Bảng 28: Dự báo nhu cầu tiêu dùng thép trong 03 năm tới tại Việt Nam**
*Đơn vị: triệu tấn*

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
Tổng nhu cầu trong nước	8.440	10.100	11.900
Tăng trưởng	20%	20%	19%

*Nguồn: Viện Gang thép Đông Nam Á (SEAISI)*
**Biểu đồ dự báo nhu cầu thép trong 3 năm tới**


Đây là những tín hiệu tốt cho nền công nghiệp thép Việt Nam. Do vậy, chắc chắn nhu cầu tiêu dùng thép tăng cao sẽ là động lực để Công ty nâng cao sản lượng bán hàng, tăng tính hiệu quả trong đầu tư.

Nằm trong chiến lược phát triển thương hiệu Việt Đức thành một tập đoàn hoạt động đa ngành với nhiều lĩnh vực, ngoài các sản phẩm thép ống truyền thống, trong năm 2007 VG PIPE đã tham gia liên doanh thành lập Công ty Cổ phần đầu tư Công nghiệp Việt Đức chuyên sản xuất bulông, ốc vít chất lượng cao nhằm hướng tới thị trường xuất khẩu. Đồng thời, Công ty cũng góp vốn vào Công ty Cổ phần Thép Việt Đức để sản xuất tôn cuộn cán nguội chất lượng cao, được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất thép ống, các công ty cơ khí chế tạo, các đơn vị sản xuất nội thất, các công ty sản xuất ô tô, xe máy ... Hai nhà máy mới này sẽ chính thức đi vào hoạt động vào quý II năm 2008. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng hướng sự phát triển của Công ty tới sự đa dạng hoá ngành nghề. Cụ thể, trong năm 2008, VG PIPE dự tính xem xét huy động vốn để đầu tư vào một dự án xây khu cao ốc văn phòng.

Như vậy, định hướng phát triển của Công ty trong những năm tới sẽ không chỉ dừng lại ở mảng sản phẩm ống thép truyền thống mà sẽ mở rộng sản xuất kinh doanh để hướng tới các thị trường sản phẩm mới.

#### **14.2 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2008-2010**

Dựa trên những dự báo về tiềm năng phát triển của nền kinh tế nói chung và ngành xây dựng, nội thất... trong những năm sắp tới, định hướng phát triển của ngành cùng với đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và vị thế hiện tại của mình, Công ty đã đưa ra kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức cho giai đoạn 2008 – 2010 như sau:

**Bảng 29: Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2008-2010**
*Đơn vị tính: 1.000.000 VND*

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng trởng	Năm 2010	% tăng trởng
Vốn điều lệ (*)	126.000	126.000	0	126.000	0
Doanh thu	1.000.000	1.450.000	45,00%	1.850.000	27,59%
Giá vốn hàng bán	921.500	1.351.500	46,66%	1.727.000	27,78%
Chi phí bán hàng	20.000	24.000	20,00%	31.000	29,17%
Chi phí quản lý	10.000	13.000	30,00%	17.000	30,77%
Lãi vay	26.000	30.000	15,38%	35.000	16,67%
Lợi nhuận trước thuế	24.500	34.500	40,82%	40.000	15,94%
Lợi nhuận sau thuế (**)	23.750	31.050	30,74%	36.000	15,94%
Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu	2,25%	2,38%		2,16%	
Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	23,43%	27,38%		31,75%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,38%	2,14%		1,945%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	18,85%	24,64%		28,57%	
Tỷ lệ chi trả cổ tức	13%	13%		14%	

(Nguồn: VG PIPE)

(\*): Vốn điều lệ năm 2008 tăng từ 70 tỷ lên 126 tỷ: dự kiến phần vốn điều lệ tăng thêm được bổ sung từ nguồn thặng dư vốn của công ty trong năm 2007.

(\*\*): Trong Kế hoạch kinh doanh 03 năm (từ năm 2008 - 2010) và các chỉ tiêu trình bày trên đã hợp nhất số liệu của Công ty Cổ phần Thép Việt Đức VDS (Công ty con của Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE) và giả định vốn điều lệ không thay đổi. Trong trường hợp vốn điều lệ tăng lên, vốn vay ngân hàng sẽ giảm và chi phí lãi vay cũng sẽ giảm đi tương ứng.

Hiện tại, Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư và Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/5/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE đang được hưởng các ưu đãi như sau:

- Được miễn tiền thuê đất 18 năm kể từ khi ký Hợp đồng thuê đất;
- Được hưởng thuế suất thuế TNDN 20%;
- Được miễn nộp thuế TNDN 3 năm đầu và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế;
- Được giảm 75% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu trong năm tài chính...

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 19221000014 ngày 23/10/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc Công ty CP thép Việt Đức VDS đang được hưởng một số ưu đãi:

- Được miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động;
- Hưởng thuế suất thuế TNDN 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh;
- Được miễn thuế TNDN 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo...

### 14.3 Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Dựa trên những dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm tới cùng với những định hướng phát triển đất nước của Chính phủ, các chuyên gia kinh tế đã nhận định Việt Nam sẽ tiếp tục đà tăng trưởng mạnh và ổn định. Điều này tạo nên những cơ hội phát triển cho mọi ngành kinh tế, đặc biệt là các ngành thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng trong đó có ngành thép.
- Mặc dù có nhiều biến động trong giá thành các sản phẩm thép cộng với sự cạnh tranh từ các sản phẩm nhập khẩu, thị trường thép Việt Nam vẫn rất tiềm năng với tốc độ tăng trưởng dự kiến trong ba năm tới là từ 19% tới 20%.
- Hiện Công ty đang là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành thép ống tại Việt Nam với thị phần là 11%. Trong năm 2008, Công ty sẽ đưa ra thị trường các sản phẩm thép mới là thép cán nguội và gam hàng bulông, ốc vít cao cấp đồng thời dự kiến mở rộng ngành nghề kinh doanh sang lĩnh vực bất động sản (Công ty dự kiến sẽ đầu tư để xây dựng các trung tâm thương mại, khu văn phòng cho thuê và chung cư cao cấp trên các lô đất 2.720 m<sup>2</sup> tại xã Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc và 1.577 m<sup>2</sup> tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc).
- Với quy mô vốn điều lệ ở mức 70 tỷ đồng, năm 2007, doanh thu thuần của Công ty đạt hơn 513 tỷ đồng. Trong năm 2008, 6 tháng đầu năm doanh thu của Công ty đạt trên 550 tỷ đồng, đạt trên 55% kế hoạch năm 2008. Bên cạnh đó, trong Quý III/2008, công ty con và công ty liên kết của VG PIPE đã hoàn thành tiến độ, bắt đầu đi vào sản xuất.

Dự án đầu tư vào Công ty CP thép Việt Đức-VDS (công ty con): VDS có vốn điều lệ 25 tỷ đồng, trong đó VG PIPE nắm giữ 99,8% vốn điều lệ. VDS sản xuất tôn cán nguội với hai khổ rộng 480 mm và 750 mm với công suất lên tới 120.000 tấn/năm (đây là dự án có công suất lớn nhất tại Việt Nam). Tính đến tháng 7/2008, VDS đã đi vào chạy chính thức và đã có những đơn đặt hàng với số lượng lớn. Kế hoạch kinh doanh của VG PIPE được lập dựa trên kế hoạch kinh doanh của VDS, tính tương ứng theo tỷ lệ góp vốn của VG PIPE là 99,8%

Dự án đầu tư vào Công ty CP Đầu tư công nghiệp Việt Đức-VGI (công ty liên kết): VGI có vốn điều lệ khoảng 24,9 tỷ đồng, trong đó VG PIPE nắm giữ 38% vốn điều lệ. VGI sản xuất các loại bulông, ốc vít chất lượng cao, hướng tới thị trường xuất khẩu. Với công suất là 5.400 tấn sản phẩm/năm, trong đó bulông là 3.600 tấn/năm, ốc vít là 1.800 tấn/năm, có thể nói đây là một trong số ít công ty tại Việt Nam có quy mô lớn, máy móc thiết bị hiện đại, có khả năng sản xuất ra các sản phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu ra nước ngoài. Tính đến tháng 7/2008, VGI đã chính thức đi vào sản xuất. Kế hoạch kinh doanh của VG PIPE được lập dựa trên kế hoạch kinh doanh của VGI, tính tương ứng theo tỷ lệ góp vốn của VG PIPE là 38%.

- Việc lập kế hoạch năm 2008 tới 2010 đã tính tới việc miễn giảm thuế của Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE và hai công ty góp vốn là VDS và VGI.
- Kế hoạch kinh doanh 2008-2010 được tính toán phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty và các yếu tố biến động của thị trường.

#### 15. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SeABank đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Đồng thời dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của VG PIPE và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành, SeABS nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của VG PIPE có tính khả thi nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp. Trong các năm tới, Công ty sẽ sử dụng một phần lợi nhuận sau thuế để trả cổ tức với các tỷ lệ dự kiến là 13% năm 2008, 13% năm 2009, 14% năm 2010. Những nhận xét trên đây chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

#### 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức xin niêm yết

Căn cứ theo Điều lệ công ty, Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Như vậy, trường hợp của VG PIPE, với 05 thành viên HĐQT thì cần có ít nhất 02 thành viên độc lập không tham gia điều hành nhưng hiện tại chỉ có 01 thành viên độc lập. Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện việc bổ sung 01 thành viên HĐQT độc lập không tham gia điều hành sau khi công ty được niêm yết. Việc bổ sung này sẽ được thông qua tại kỳ họp Đại hội cổ đông tới.

#### 17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng tới giá chứng khoán niêm yết.

Không có

### V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 đồng
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 7.000.000 cổ phiếu

Trong đó, số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng là:

- **Cổ phiếu của cổ đông sáng lập:**

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 3.500.000 cổ phiếu.

*Quy định về hạn chế chuyển nhượng:* Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động (từ 31/01/2007 đến 31/01/2010), cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

**Bảng 30: Danh sách Cổ đông sáng lập**

*(Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000254 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05/05/2008)*

STT	Cổ đông	Tỷ trọng vốn góp (%)	Số cổ phần phổ thông
1	<b>Lê Minh Hải</b> Địa chỉ: 118-12D1, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. CMND số: 011561820; Cấp ngày 01/08/2002; Nơi cấp: CA Hà Nội	23,857	1.670.000
2	<b>Nguyễn Thị Thanh Thủy</b> Địa chỉ: Số 3, Khâm Thiên, Đống Đa, Hà nội. CMND số: 010350544 Cấp ngày 25/7/2002; Nơi cấp: CA Hà Nội	18,750	1.312.500
3	<b>Đỗ Thanh Tùng</b> Địa chỉ: Số 3, Khâm Thiên, Đống Đa, Hà nội. Hộ chiếu số: B0026284 Ngày cấp: 10/10/2005; Nơi cấp: Bộ Công an	1,429	100.000
4	<b>Nguyễn Thị Nhi</b> Địa chỉ: 79 Lương Khánh Thiện, Hoàng Mai, Hà nội CMND số: 013024442 Ngày cấp: 9/12/2007; Nơi cấp: CA Hà Nội	0,786	55.000
5	<b>Nguyễn Hữu Thế</b> Địa chỉ: Thôn Phú Hòa, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây CMND số: 111711005 Ngày cấp: 31/7/2000; Nơi cấp: CA Hà Tây	0,714	50.000
6	<b>Ngô Vi Anh Tú</b> Địa chỉ: Số 24, ngõ 122, Khương Đình, phường Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà nội. CMND số: 013024442 Ngày cấp: 9/12/2007; Nơi cấp: CA Hà Nội	0,714	50.000



<b>7</b>	<b>Nguyễn Ngọc Bảo</b> Địa chỉ: 63 Nguyễn Khắc Nhu, P. Trung Trực, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội CMND số: 010 996912 Ngày cấp: 29/6/2001; Nơi cấp: CA Hà Nội	1,429	100.000
<b>8</b>	<b>Lê Phan Đức</b> Địa chỉ: Số 19, ngõ 44, Phố Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, HBT, Hà Nội CMND số: 012792826 Ngày cấp: 19/5/2005; Nơi cấp: CA Hà Nội	0,714	50.000
<b>9</b>	<b>Nguyễn Hữu Nam</b> Địa chỉ: Tổ 1A-69, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội CMND số: 011 059 282 Ngày cấp: 06/11/2001; Nơi cấp: CA Hà Nội	0,893	62.500
<b>10</b>	<b>Nguyễn Vinh Tuyên</b> Địa chỉ: Số 3, ngõ 114, đường Thụy Khê, Tây Hồ, Hà Nội CMND số: 010 199 865 Ngày cấp: 25/7/1978; Nơi cấp: CA Hà Nội	0,714	50.000
<b>TỔNG</b>		<b>50</b>	<b>3.500.000</b>

(Nguồn: VG PIPE)

- **Cổ phiếu của thành viên Ban Giám đốc, HĐQT và BKS:** các thành viên cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

**Bảng 31: Danh sách thành viên chủ chốt**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP đang nắm giữ
1	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	1.670.000
2	Đỗ Thanh Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	100.000
3	Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	50.000
4	Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kế toán tài chính	55.000
5	Lê Phan Đức	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh	50.000
6	Nguyễn Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	100.000
7	Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban kiểm soát	50.000

(Nguồn: VG PIPE)

**4. Phương pháp tính giá theo phương pháp giá trị sổ sách:****Đối với báo cáo hợp nhất:****Tại thời điểm 31/12/2007:**

Giá trị sổ sách	=	Vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng phúc lợi
01 cổ phiếu	=	Tổng số cổ phiếu lưu hành
(đồng/cổ phiếu)	=	$132.815.178.097 - 1.515.742.810$
	=	<u>7.000.000</u>
	=	18.757

**Tại thời điểm 30/06/2008:**

Giá trị sổ sách	=	Vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng phúc lợi
01 cổ phiếu	=	Tổng số cổ phiếu lưu hành
(đồng/cổ phiếu)	=	$151.133.543.063 - 1.405.992.810$
	=	<u>7.000.000</u>
	=	21.390

**Đối với báo cáo công ty mẹ:****Tại thời điểm 31/12/2007:**

Giá trị sổ sách	=	Vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng phúc lợi
01 cổ phiếu	=	Tổng số cổ phiếu lưu hành
(đồng/cổ phiếu)	=	$132.815.178.097 - 1.515.742.810$
	=	<u>7.000.000</u>
	=	18.757

**Tại thời điểm 30/06/2008:**

Giá trị sổ sách	=	Vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng phúc lợi
01 cổ phiếu	=	Tổng số cổ phiếu lưu hành
(đồng/cổ phiếu)	=	$150.959.207.267 - 1.405.992.810$
	=	<u>7.000.000</u>
	=	21.365

**5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:**

Căn cứ theo Quyết định số: 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của VGPIPE được đăng ký niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tại thời điểm 25/08/2008, nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ 0% cổ phần của Công ty (0 cổ phần), như vậy nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua thêm 3.430.000 cổ phần.

## 6. Các loại thuế có liên quan:

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐ ĐT ngày 21/01/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO để thực hiện dự án đầu tư “Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE”; Căn cứ Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/5/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc Chấp thuận cho VG PIPE được nhận quyền hưởng ưu đãi đầu tư trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐ ĐT ngày 21/01/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho Công ty thép và vật tư công nghiệp SIMCO.

- Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN là 20%.
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm đầu và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.
- Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu trong năm tài chính.

Như vậy, năm 2004 Nhà máy Ống thép Việt Đức đã hoạt động có lãi và đã được miễn thuế TNDN trong các năm 2004, 2005, 2006. Và trong các năm 2007 đến năm 2013 Công ty sẽ phải nộp thuế TNDN là 10%.

## VI. CÁC ĐỐI TÁC CÓ LIÊN QUAN

### 1. Tổ chức tư vấn

#### **Công ty CP Chứng khoán SeABank (SeABS)**

##### ***Trụ sở chính***

Địa chỉ: Số 16, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04.6275 3844

Fax: 04.6275 3816

Email: [seabs@seabs.com.vn](mailto:seabs@seabs.com.vn)

Website: [www.seabs.com.vn](http://www.seabs.com.vn)

#### ***Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Công ty CP Chứng khoán SeABank***

Địa chỉ: Số 81-83 Đường Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

ĐT: 08.3925 5579

Fax: 08.3925 5665

### 2. Tổ chức kiểm toán

#### **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.**

Trụ sở chính: Số 8 - Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.3852 4123

Fax: 04.3852 4143

Website: [www.deloitte.com](http://www.deloitte.com)

**VII. PHỤ LỤC**

- Phụ lục 1:** Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính công ty mẹ được kiểm toán năm 2007, Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2008 do công ty tự lập
- Phụ lục 2:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
- Phụ lục 3:** Quy trình quản trị công ty
- Phụ lục 4:** Quy trình công bố thông tin nội bộ, Giấy uỷ quyền nhân viên công bố thông tin
- Phụ lục 5:** Sổ đăng ký cổ đông, Danh sách thành viên chủ chốt và Các cam kết
- Phụ lục 6:** Báo cáo quá trình tăng vốn
- Phụ lục 7:** Các tài liệu khác

*Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 08 năm 2008*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN SEABANK  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
ÔNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN THỊ VÂN**

**LÊ MINH HẢI**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGÔ VI ANH TÚ**

**NGUYỄN THỊ NHI**